

## BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2006/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2006

### QUYẾT ĐỊNH

*Ban hành Quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học công nghệ  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

### BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ vào yêu cầu tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các đề tài, dự án do Bộ quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Quyết định số 41/2003/QĐ-BNN, ngày 28 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp Bộ.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Bá Bổng**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ QUẢN LÝ  
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2006/QĐ-BNN, ngày 15 tháng 5 năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

***Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng***

Quy chế này quy định thủ tục, trình tự xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ tuyển chọn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, và nghiệm thu kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm.

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

***Điều 2. Giải thích thuật ngữ***

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

***1. Đề tài nghiên cứu và dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi chung là đề tài)***

- Đề tài nghiên cứu khoa học là một nghiên cứu cụ thể có mục tiêu, nội dung, phương pháp rõ ràng nhằm tạo ra các kết quả mới đáp ứng yêu cầu của thực tiễn sản xuất hoặc làm luận cứ xây dựng chính sách hay cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo.

- Dự án sản xuất thử nghiệm là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

***2. Tư vấn lựa chọn đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ*** là quá trình xác định tên, mục tiêu và kết quả dự kiến đạt được của đề tài.

***3. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài*** là quá trình đánh giá hồ sơ đăng ký

thực hiện một nhiệm vụ khoa học công nghệ đã được phê duyệt, nhằm tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài.

4. *Phê duyệt Thuyết minh đề tài* là việc phê duyệt nội dung, phương pháp, kết quả đạt được và dự toán của đề tài.

5. *Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ* là văn bản pháp lý được ký kết giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài.

6. *Nghiệm thu đề tài* là quá trình đánh giá kết quả thực hiện của đề tài so với đề cương đã được phê duyệt và hợp đồng.

### **Điều 3. Các loại nhiệm vụ khoa học công nghệ**

#### **1. Nhiệm vụ cấp Nhà nước:**

- a) Đề tài thuộc chương trình Nhà nước;
- b) Đề tài độc lập cấp Nhà nước;
- c) Đề tài hợp tác quốc tế theo Nghị định thư;
- d) Đề tài nghiên cứu cơ bản do Hội đồng khoa học tự nhiên xác định;
- e) Dự án sản xuất thử nghiệm.

#### **2. Nhiệm vụ Bộ:**

- a) Đề tài trọng điểm;
- b) Đề tài thuộc Chương trình mục tiêu của Nhà nước giao cho Bộ thực hiện;
- c) Bảo tồn quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật;
- d) Đề tài, dự án hợp tác quốc tế do Bộ phê duyệt;
- e) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ;
- f) Tiêu chuẩn đo lường chất lượng;
- g) Bảo vệ môi trường;
- h) Vệ sinh an toàn thực phẩm;
- i) Các nhiệm vụ khoa học công nghệ khác do Bộ giao.

#### **3. Nhiệm vụ cấp cơ sở (đề tài do đơn vị đề xuất và được Bộ cho phép thực hiện)**

### **Điều 4. Cơ sở hình thành đề tài**

1. Chiến lược, Chương trình mục tiêu, Chương trình hành động và kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn;

2. Yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành liên quan;

3. Đề xuất của Cục chuyên ngành, doanh nghiệp, địa phương, đơn vị nghiên cứu, đào tạo, tổ chức và cá nhân, Hiệp hội và các Hội khoa học;

4. Chương trình phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ, ngành khác;

5. Đề xuất của Hội đồng khoa học công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Từ các nội dung hợp tác quốc tế.

### ***Điều 5. Yêu cầu đối với đề tài***

1. Mục tiêu, nội dung rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, không trùng lặp với bất cứ đề tài nào đã và đang thực hiện (Nếu là đề tài kế thừa, cần nêu rõ kết quả đã thực hiện, những vấn đề còn tồn tại cần giải quyết tiếp);

2. Phương pháp nghiên cứu phù hợp và tiên tiến;

3. Kết quả nghiên cứu phải rõ ràng, định lượng được; có địa chỉ ứng dụng cụ thể. Kết quả có thể là: i) luận cứ khoa học, ii) sáng chế, phát minh, iii) giải pháp hữu ích, iv) cơ sở để xây dựng chính sách, pháp luật, v) các sản phẩm như: giống mới, công nghệ, thiết bị, quy trình, mô hình v.v.;

4. Kinh phí tính đúng, tính đủ và hợp lý, khuyến khích những đề tài phối hợp huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách;

5. Giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp, hiệu quả.

### ***Điều 6. Yêu cầu đối với dự án sản xuất thử nghiệm***

1. Xuất phát từ kết quả nghiên cứu đã được công nhận hoặc công nghệ tiên tiến nhập từ nước ngoài;

2. Có khả năng triển khai rộng rãi, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao;

3. Có tính khả thi và khả năng hoàn vốn.

### ***Điều 7. Điều kiện để tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài***

1. Tổ chức chủ trì phải có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, đủ điều kiện về nhân lực, thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết cho việc thực hiện đề tài có hiệu quả;

2. Cá nhân chủ trì đề tài phải có chuyên môn và ít nhất 5 năm nghiên cứu trong cùng lĩnh vực khoa học công nghệ với đề tài đó, đối với chủ trì đề tài cấp Bộ và 3 năm đối với đề tài cấp cơ sở. Mỗi cá nhân chỉ được phép đồng thời chủ trì tối đa 2 đề tài;

3. Không vi phạm quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 30 của Quy chế này.

4. Đối với cá nhân là người nước ngoài đăng ký chủ trì đề tài, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sẽ quyết định tùy trường hợp cụ thể.

### ***Điều 8. Phân cấp quản lý đề tài***

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền cho Vụ Khoa học công nghệ thống nhất quản lý đề tài thuộc Bộ.

2. Vụ Khoa học công nghệ phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý đề tài thuộc Bộ, Ngành khác do các đơn vị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

3. Cục chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ quản lý đề tài nghiên cứu thuộc chương trình mục tiêu.

4. Tổ chức chủ trì quản lý các đề tài do đơn vị thực hiện.

5. Vụ Khoa học công nghệ và Vụ Tài chính quản lý trực tiếp các đề tài do đối tượng khác chủ trì.

## **Chương II**

### **XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

#### ***Điều 9. Thẩm quyền xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ***

1. *Đối với đề tài cấp Bộ:* Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ hoặc mời chuyên gia độc lập tư vấn xác định đề tài. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp xác định nhiệm vụ nghiên cứu. Căn cứ kết quả tư vấn của hội đồng hoặc chuyên gia độc lập, Vụ Khoa học công nghệ tổng hợp danh mục đề tài trình Bộ phê duyệt.

2. *Đối với đề tài cấp cơ sở:* Các tổ chức nghiên cứu thuộc Bộ đề xuất các đề tài (thông qua tư vấn hội đồng khoa học công nghệ cấp cơ sở). Vụ Khoa học công nghệ tổng hợp và phê duyệt danh mục đề tài.

## **Điều 10. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài**

1. **Thông báo tuyển chọn:** Một tháng trước thời điểm tuyển chọn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo danh mục đề tài trên các phương tiện thông tin đại chúng (Báo Nông nghiệp, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trang Web của Bộ, Báo Khoa học và Phát triển) để tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký.

### **2. Điều kiện tham gia tuyển chọn**

Mọi tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện quy định tại Điều 7 của Quy chế này đều có quyền tham gia tuyển chọn.

### **3. Hồ sơ tuyển chọn**

#### **a) Tài liệu tham gia tuyển chọn:**

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài (biểu B8-ĐONTC-BNN);
- Thuyết minh đề tài (theo mẫu B1-TMTTĐT-BNN, B3-DTTTTKPĐT-BNN đối với đề tài nghiên cứu và mẫu B5-TMDA-BNN đối với dự án sản xuất thử nghiệm);
- Tóm tắt hoạt động khoa học công nghệ của tổ chức đăng ký thực hiện đề tài (biểu B6-LLTC-BNN);
- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, trong đó liệt kê tên và cấp đề tài đã và đang chủ trì, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (biểu B7-LLCN-BNN);
- Văn bản xác nhận của tổ chức và cá nhân đăng ký phối hợp thực hiện đề tài (biểu B9-PHNC-BNN);
- Văn bản pháp lý chứng minh năng lực huy động vốn từ nguồn khác (nếu có).

#### **b) Niêm phong hồ sơ:** Bộ hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài:

- Tên đề tài
- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài
- Họ và tên của cá nhân chủ trì và danh sách người tham gia
- Liệt kê tài liệu, văn bản có trong hồ sơ

#### **c) Số lượng bộ hồ sơ:** 1 bản gốc và 10 bản sao.

#### **d) Thời hạn nộp hồ sơ:**

- Hồ sơ phải nộp đúng hạn theo thông báo tuyển chọn, ngày nhận hồ sơ là ngày

ghi của dấu Bưu điện Hà Nội (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của Văn thư Bộ hoặc Vụ Khoa học công nghệ (trường hợp gửi trực tiếp).

- Trong khi chưa hết thời hạn nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ thay hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã gửi đến cơ quan tuyển chọn. Mọi bổ sung và sửa đổi phải nộp trong thời hạn quy định và là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

4. *Đánh giá hồ sơ tuyển chọn*: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng khoa học công nghệ hoặc mời chuyên gia độc lập đánh giá hồ sơ. Phương thức hoạt động của Hội đồng thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BKH-CN ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. *Phê duyệt tuyển chọn*: Vụ Khoa học công nghệ tổng hợp kết quả tuyển chọn trình Bộ trưởng phê duyệt tổ chức, cá nhân thực hiện.

### ***Điều 11. Thẩm định và phê duyệt Thuyết minh đề tài***

1. *Đối với đề tài cấp Bộ*: Sau khi có quyết định kết quả tuyển chọn, Chủ trì đề tài hoàn thiện lại Thuyết minh đề tài, Vụ Khoa học công nghệ chủ trì phối hợp với Vụ Tài chính và các đơn vị liên quan thẩm định Thuyết minh tổng thể và dự toán tổng thể kinh phí của đề tài (biểu B1-TMTTĐT-BNN; B3 DTTTKPDT-BNN) trên cơ sở kết luận của hội đồng đánh giá hồ sơ tuyển chọn và trình Bộ phê duyệt, ký hợp đồng.

Hàng năm Vụ Khoa học công nghệ và Vụ Tài chính thẩm định và phê duyệt thuyết minh và dự toán năm của đề tài (B2-TMHNĐT-BNN, B4-DTHNKPĐT-BNN).

2. *Đối với đề tài cấp cơ sở*: Thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài thành lập hội đồng thẩm định Thuyết minh đề tài, phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện.

3. Cục trưởng Cục chuyên ngành phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tài chính phê duyệt đề cương, dự toán và ký hợp đồng thực hiện đề tài thuộc Chương trình mục tiêu.

### ***Điều 12. Thời gian tuyển chọn, thẩm định, phê duyệt Thuyết minh đề tài***

#### ***1. Đề tài cấp Bộ:***

##### ***a) Đối với đề tài mới***

- Đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ về Vụ Khoa học công nghệ cho năm tiếp theo trước ngày 30 tháng 6.

- Tuyển chọn nhiệm vụ khoa học công nghệ, tổ chức, cá nhân chủ trì hoàn thành trước ngày 30 tháng 10.

- Thẩm định và phê duyệt hoàn thành trước ngày 30 tháng 11

b) Đối với đề tài tiếp tục: thẩm định, phê duyệt kế hoạch năm tới hoàn thành trước ngày 30 tháng 11.

## 2. Đề tài cấp cơ sở:

- Thủ trưởng đơn vị đề xuất danh mục đề tài trước ngày 30 tháng 10

- Vụ Khoa học công nghệ hoàn thành phê duyệt danh mục đề tài trước ngày 30 tháng 11

- Thủ trưởng đơn vị phê duyệt Thuyết minh đề tài, ký hợp đồng và báo cáo Bộ trước ngày 31 tháng 12

## Chương III KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

### ***Điều 13. Kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện đề tài***

1. Vụ Khoa học công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện đề tài cấp Bộ, chủ động kiểm tra đề tài cấp cơ sở khi cần thiết.

2. Cục trưởng Cục chuyên ngành chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện các đề tài thuộc chương trình mục tiêu.

3. Thủ trưởng đơn vị chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện đề tài cấp cơ sở.

4. Nội dung kiểm tra: Tiến độ, kết quả và sử dụng kinh phí theo Thuyết minh đề tài và Hợp đồng đã ký.

5. Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đề xuất điều chỉnh nội dung nghiên cứu và phương án xử lý khi cần thiết, lập báo cáo trình Bộ.

6. Nếu có kết quả đủ điều kiện công nhận là tiến bộ kỹ thuật, đơn vị chủ trì báo cáo Bộ để tổ chức Hội đồng đánh giá và công nhận.

7. Vụ Khoa học công nghệ hàng năm thuê chuyên gia độc lập giám sát và đánh giá một số đề tài trọng điểm.

8. Kinh phí kiểm tra, giám sát và đánh giá lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học.

09695653

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



## **Điều 14. Nghiệm thu đề tài**

Đề tài cấp Bộ được nghiệm thu 2 cấp: cấp cơ sở và cấp Bộ, Đề tài cấp cơ sở chỉ nghiệm thu cấp cơ sở.

### **1. Nghiệm thu cấp cơ sở**

a) Sau khi kết thúc đề tài (tối đa là 30 ngày), Chủ trì đề tài hoàn chỉnh 12 bộ Hồ sơ nghiệm thu. Hồ sơ gồm:

- Hợp đồng khoa học công nghệ;
- Thuyết minh đề tài đã được phê duyệt;
- Báo cáo khoa học;
- Các báo cáo định kỳ;
- Các sản phẩm khoa học của đề tài;
- Các tài liệu có liên quan: số liệu gốc, nhật ký thí nghiệm, báo cáo khảo sát nước ngoài (nếu có), các biên bản kiểm tra hàng năm và đột xuất, nhận xét của doanh nghiệp và địa phương (nếu có);
- Báo cáo sử dụng kinh phí của đề tài.

b) Thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài thành lập Hội đồng nghiệm thu cơ sở. Hội đồng gồm 7 - 9 thành viên, có Chủ tịch, Phó chủ tịch và các ủy viên, trong đó có 2 phản biện. Hội đồng bao gồm các chuyên gia cùng lĩnh vực với đề tài song số thành viên ngoài đơn vị không ít hơn 30%. Cá nhân tham gia đề tài không được là thành viên Hội đồng. Nghiệm thu cấp cơ sở phải hoàn thành không chậm hơn 30 ngày sau khi nhận đủ hồ sơ.

c) Các đề tài nhánh do đơn vị thực hiện, thủ tục nghiệm thu như đề tài cấp cơ sở.

d) Phương thức và quy trình làm việc của hội đồng khuyến khích áp dụng theo hội đồng nghiệm thu cấp Bộ.

Sau khi nghiệm thu cấp cơ sở, chủ trì đề tài hoàn chỉnh hồ sơ và gửi 15 bộ hồ sơ về Bộ (Vụ Khoa học công nghệ) trong đó có 3 bản chính (dấu đỏ). Ngoài các văn bản đã nêu tại điểm a, khoản 1, Điều 14 của Quy chế này, hồ sơ còn bao gồm: Biên bản Hội đồng cơ sở, Quyết định và danh sách Hội đồng cơ sở, công văn của đơn vị đề nghị nghiệm thu cấp Bộ.

### **2. Nghiệm thu cấp Bộ**

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị nghiệm thu, chậm nhất là 15 ngày, Vụ Khoa

học công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hình thức nghiệm thu.

Nghiệm thu cấp Bộ được thực hiện theo 2 hình thức: Nghiệm thu bởi hội đồng nghiệm thu cấp Bộ và nghiệm thu bởi chuyên gia tư vấn độc lập.

a) Nghiệm thu cấp Bộ bởi Hội đồng nghiệm thu được tiến hành theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKH-CN ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập hội đồng. Hội đồng có 7 - 11 thành viên gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên, trong đó có 2 phản biện. Số thành viên đại diện cho doanh nghiệp, địa phương và cơ quan quản lý không ít hơn 30%. Cá nhân tham gia đề tài không được là thành viên Hội đồng. Tổ chức chủ trì đề tài không quá 1 người tham gia vào hội đồng và không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, phản biện hoặc thư ký Hội đồng.

- Nếu cần thiết, Chủ tịch Hội đồng đề nghị Bộ (Vụ Khoa học công nghệ) tổ chức để hội đồng hoặc một số thành viên hội đồng đi kiểm tra, đánh giá kết quả ngoài thực tế. Trên cơ sở hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng quyết định tiến hành phiên họp, thời gian hoàn thành nghiệm thu không chậm hơn 20 ngày sau khi có Quyết định của Bộ trưởng.

- Trước phiên họp đánh giá ít nhất là 1 tuần, các thành viên Hội đồng được cung cấp toàn bộ Hồ sơ của đề tài. Mỗi thành viên viết Phiếu nhận xét, đánh giá kết quả đề tài theo biểu B14-PĐGKQĐT-BNN và biểu B15-PĐGKQDA-BNN đối với dự án sản xuất thử nghiệm.

- Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Tham dự phiên họp có đại diện cơ quan quản lý, địa phương và doanh nghiệp (nếu cần) do cơ quan quản lý mời. Cá nhân và đơn vị chủ trì, cá nhân tham gia thực hiện đề tài không được tham dự phiên họp hội đồng nghiệm thu đề tài.

- Hội đồng cử Thư ký, Ban kiểm phiếu gồm 3 ủy viên là thành viên Hội đồng để tiến hành thủ tục bỏ phiếu đánh giá và ghi biên bản kiểm phiếu.

- Vụ Khoa học công nghệ tổng hợp kết quả trình Bộ phê duyệt.

b) Nghiệm thu cấp Bộ bởi chuyên gia tư vấn độc lập

- Trưởng Ban chuyên môn của Hội đồng khoa học công nghệ Bộ đề xuất danh sách chuyên gia độc lập đánh giá kết quả đề tài thuộc lĩnh vực chuyên môn của

Ban, Vụ Khoa học công nghệ tổng hợp trình Bộ quyết định danh sách chuyên gia độc lập đánh giá kết quả đề tài

- Các chuyên gia đánh giá làm việc độc lập trên cơ sở hồ sơ nghiệm thu cấp cơ sở ghi tại Điều 14 của Quy chế này.

- Nếu cần thiết, chuyên gia đánh giá có thể đề nghị đi kiểm tra, đánh giá kết quả ngoài thực tế

- Nội dung đánh giá và phiếu đánh giá theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chuyên gia đánh giá độc lập phải hoàn thành theo thời gian quy định không quá 30 ngày kể từ ngày được giao nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá.

- Vụ Khoa học công nghệ tổng hợp kết quả đánh giá của các chuyên gia, trường hợp kết quả đánh giá của các chuyên gia không thống nhất, Vụ Khoa học công nghệ tổ chức họp với các chuyên gia để thống nhất kết quả cuối cùng trình Bộ phê duyệt.

### *3. Mức nghiệm thu (dùng cho cả cấp Bộ và cấp cơ sở)*

a) Đánh giá nghiệm thu đề tài theo 4 mức: Xuất sắc, Khá, Đạt và Không đạt.

b) Thành viên hội đồng hoặc chuyên gia độc lập đánh giá kết quả theo hình thức phiếu kín theo biểu B14-PĐGKQ(ĐT)-BNN. Tiêu chí xếp loại đề tài được cụ thể hóa trong "Phiếu nhận xét đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học", với đề tài nộp hồ sơ nghiệm thu chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng từ 03 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý thì mức nghiệm thu cao nhất là Đạt.

c) Kinh phí hoạt động nghiệm thu lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học đối với nghiệm thu cấp Bộ, chế độ thù lao cho thành viên hội đồng và chuyên gia tư vấn độc lập sẽ có quy định sau, từ kinh phí đề tài đối với nghiệm thu cấp cơ sở.

### ***Điều 15. Xử lý kết quả nghiệm thu***

1. Đề tài được đánh giá loại Đạt trở lên sẽ được nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

2. Đề tài được đánh giá loại Không đạt do chưa hoàn thành khối lượng công việc, chủ trì đề tài phải tự bỏ kinh phí để hoàn thiện các nội dung ghi trong hợp đồng trong thời hạn 6 tháng. Nếu không đạt do vi phạm về cung cấp hồ sơ, tài liệu,

số liệu không trung thực, tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung và kế hoạch thực hiện, quản lý tài chính sai quy định sẽ xử lý theo pháp luật hiện hành.

3. Toàn bộ chi phí cho đánh giá lại và tổ chức xử lý vi phạm do cá nhân và tổ chức chủ trì đề tài phải chịu trách nhiệm.

### ***Điều 16. Thanh lý Hợp đồng***

Đối với đề tài cấp cơ sở: Thủ trưởng đơn vị tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng với cá nhân chủ trì đề tài và báo cáo Bộ

Đối với đề tài cấp Bộ: căn cứ biên bản nghiệm thu cấp Bộ và báo cáo quyết toán tài chính của Vụ Tài chính, Vụ Khoa học công nghệ và Vụ Tài chính trình Bộ thanh lý hợp đồng.

### ***Điều 17. Đánh giá sau nghiệm thu***

Để đánh giá hiệu quả của kết quả nghiên cứu, hàng năm Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức nhóm chuyên gia đánh giá kết quả ứng dụng đề tài đã nghiệm thu và được công nhận là tiến bộ kỹ thuật. Địa bàn, nội dung và đối tượng đánh giá, thành phần đoàn đánh giá do Vụ Khoa học công nghệ trình Bộ quyết định.

## **Chương IV**

### **QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI**

### ***Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý***

#### ***1. Vụ Khoa học công nghệ:***

a) Tổ chức xây dựng chiến lược, định hướng, kế hoạch dài hạn và hàng năm về khoa học công nghệ của ngành;

b) Tổ chức tuyển chọn đơn vị và cá nhân chủ trì đề tài; thẩm định nội dung nghiên cứu trình Bộ phê duyệt và ký hợp đồng.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát và nghiệm thu kết quả đề tài trình Bộ thanh lý hợp đồng.

d) Khi cần thiết, kiến nghị Bộ:

- Điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian, tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài;

- Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và hình thức xử lý vi phạm.

**2. Vụ Tài chính:**

- a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ thẩm định dự toán kinh phí đề tài;
- b) Tổ chức kiểm tra, giám sát chế độ chi tiêu và thanh quyết toán hàng năm và kết thúc đề tài;
- c) Khi cần thiết, kiến nghị Bộ xuất toán hoặc xử lý vi phạm.

**Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của hội đồng tư vấn khoa học công nghệ hoặc chuyên gia tư vấn độc lập**

1. Xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ;
2. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài;
3. Thẩm định thuyết minh đề tài;
4. Nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài.

**Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài****1. Tổ chức chủ trì đề tài**

- Phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ tổ chức thẩm định Thuyết minh đề tài, kiểm tra, giám sát thực hiện và nghiệm thu cấp cơ sở đối với các nhiệm vụ cấp Nhà nước và cấp Bộ.

- Chủ trì tổ chức thẩm định Thuyết minh đề tài, kiểm tra, giám sát thực hiện, nghiệm thu đối với đề tài cấp cơ sở và báo cáo về Bộ.

- Đối với đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ, khi cần thiết, kiến nghị Bộ điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian và người chủ trì.

- Đối với đề tài cấp cơ sở, khi cần thiết, điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian và cá nhân chủ trì hoặc chấm dứt hợp đồng.

**2. Cá nhân chủ trì đề tài:**

- Tổ chức thực hiện những nội dung theo đề cương đã được phê duyệt, sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

- Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn kết quả thực hiện và tiến độ giải ngân với cơ quan chủ trì và cơ quan quản lý;

- Đề xuất thay đổi nội dung, địa điểm, kinh phí, thời gian thực hiện đề tài với cơ quan chủ trì và cơ quan quản lý và chỉ được thực hiện những thay đổi khi có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý;

- Ký kết hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài đơn vị để triển khai nội dung nghiên cứu theo đúng quy định hiện hành; được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình tạo ra theo quy định của pháp luật; được hưởng chế độ phụ cấp theo chế độ hiện hành; được ưu tiên trong tuyển chọn hoặc giao nhiệm vụ nghiên cứu giai đoạn tiếp theo nếu kết quả nghiên cứu của đề tài được Hội đồng nghiệm thu đánh giá xuất sắc.

3. Tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Nhà nước về hiệu quả sử dụng kinh phí và kết quả nghiên cứu và phải hoàn trả một phần kinh phí nếu hợp đồng thực hiện đề tài không được thanh lý.

## **Chương V**

### **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CẤP PHÁT KINH PHÍ**

#### ***Điều 21. Thẩm định và phê duyệt dự toán tổng thể và hàng năm***

1. Đối với các đề tài cấp Bộ, Vụ Khoa học công nghệ phối hợp với Vụ Tài chính tổ chức thẩm định, trình Bộ phê duyệt dự toán tổng thể và hàng năm.

2. Đối với các đề tài cấp cơ sở, Thủ trưởng đơn vị và kế toán trưởng thẩm định và phê duyệt dự toán tổng thể và hàng năm.

#### ***Điều 25. Cấp phát kinh phí***

1. Đối với các tổ chức và cá nhân thuộc đơn vị dự toán của Bộ, việc cấp phát kinh phí được thực hiện theo Luật Ngân sách hiện hành.

2. Đối với các tổ chức và cá nhân không thuộc đơn vị dự toán của Bộ, phải ký hợp đồng với Văn phòng Bộ. Văn phòng Bộ quản lý kinh phí theo chế độ hiện hành.

3. Trường hợp không sử dụng hết kinh phí trong năm tài chính, cơ quan chủ trì đề tài phải có văn bản báo cáo Bộ trước ngày 20 tháng 12 (gửi Vụ Tài chính, Vụ Khoa học công nghệ). Vụ Tài chính phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ tổng hợp, trình Bộ đề nghị Bộ Tài chính cho chuyển sang năm sau.

#### ***Điều 26. Quyết toán tài chính***

- Cá nhân chủ trì đề tài lập báo cáo quyết toán năm trước ngày 31 tháng 12 nộp phòng tài vụ của đơn vị để quyết toán hàng năm. Kết quả đánh giá, nghiệm thu hàng năm là căn cứ để quyết toán năm.

- Căn cứ Biên bản đánh giá kết quả đề tài (biểu B16-BBHĐĐGKQ(ĐT)-BNN của Hội đồng khoa học, nếu kết quả từ Đạt trở lên, Vụ Tài chính tiến hành thủ tục quyết toán tài chính và kiểm kê, bàn giao tài sản được mua sắm (nếu có) trong khuôn khổ đề tài.

- Báo cáo quyết toán tài chính là cơ sở để thanh lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài.

## **Chương VI**

### **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIAO NỘP VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ**

#### ***Điều 27. Báo cáo***

Chủ trì đề tài có trách nhiệm báo cáo tiến độ định kỳ cho cơ quan chủ trì đề tài trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm theo biểu mẫu B19-BCĐK-BNN. Đơn vị chủ trì tổng hợp báo cáo Bộ trước 30 tháng 6 và 31 tháng 12 hàng năm. Trường hợp đột xuất, tổ chức và cá nhân chủ trì có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

#### ***Điều 28. Giao nộp sản phẩm và công bố kết quả***

1. Đối với các đề tài kết thúc được nghiệm thu từ mức Đạt trở lên, trong thời gian 30 ngày, chủ trì đề tài phải hoàn chỉnh Hồ sơ đề tài theo ý kiến đóng góp của Hội đồng, nộp Bộ (Vụ Khoa học công nghệ) 3 bản in. Riêng báo cáo khoa học, nộp bổ sung đĩa CD (kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13).

2. Trong thời gian 30 ngày kể từ khi nhận hồ sơ và báo cáo kết thúc đề tài, Vụ Khoa học công nghệ có trách nhiệm kiểm tra và có thể yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thấy cần thiết.

3. Hồ sơ đề tài được lưu trữ tại Vụ Khoa học công nghệ và công bố kết quả trên tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trên trang Web về Khoa học công nghệ của Bộ.

## **Chương VII**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### ***Điều 29. Khen thưởng***

1. Tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài thực hiện tốt quy chế này sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Đề tài được nghiệm thu Xuất sắc, cá nhân chủ trì được đề nghị tăng lương trước thời hạn và được ưu tiên khi tham gia tuyển chọn các đề tài mới.

### **Điều 30. Xử lý vi phạm**

1. Cá nhân chủ trì đề tài vi phạm quy chế này, tùy theo mức độ, sẽ bị xử lý theo những hình thức sau đây:

a) Khiển trách: đối với các Chủ trì đề tài nộp báo cáo chậm 1 tháng hoặc nội dung báo cáo không đáp ứng yêu cầu so với quy định.

b) Cảnh cáo: đối với các Chủ trì đề tài nộp báo cáo chậm 3 tháng hoặc báo cáo chậm 2 kỳ liên tục so với quy định.

c) Đình chỉ chủ trì thực hiện: đối với các đề tài vi phạm về quản lý tài chính hoặc tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung, thời gian và địa bàn thực hiện.

d) Không được chủ trì đề tài trong thời gian 3 - 5 năm nếu đề tài nghiên cứu mà nghiệm thu ở mức không đạt hoặc chưa hoàn trả đủ kinh phí thu hồi đối với dự án sản xuất thử nghiệm.

e) Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị xử lý theo pháp luật.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài: Thủ trưởng đơn vị chịu hình thức khiển trách nếu đơn vị có cá nhân chủ trì đề tài bị đình chỉ thực hiện; chịu hình thức cảnh cáo nếu đơn vị có cá nhân chủ trì đề tài vi phạm pháp luật.

2. Vụ Khoa học công nghệ chủ trì phối hợp với Vụ Tài chính và Thanh tra Bộ đề nghị hình thức khen thưởng và xử lý vi phạm.

## **Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 31. Tổ chức thực hiện**

1. Vụ Khoa học công nghệ: hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy chế này và tổng hợp báo cáo Bộ.

2. Vụ Tài chính: hướng dẫn nghiệp vụ tài chính cho các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài theo quy định hiện hành của Nhà nước.



3. Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Tài chính, các đơn vị có liên quan và cá nhân tham gia hoạt động khoa học công nghệ chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị báo cáo Bộ (qua Vụ Khoa học công nghệ) để tổng hợp trình Bộ bổ sung và sửa đổi./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Bá Bổng**

**DANH MỤC BIỂU BẢNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2006/QĐ-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

<b>TT</b>	<b>Tên biểu bảng</b>	<b>Ký hiệu biểu bảng</b>
1	Thuyết minh tổng thể đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	B1-TMTTĐT-BNN
2	Thuyết minh hàng năm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	B2-TMHNĐT-BNN
3	Dự toán tổng thể kinh phí đề tài	B3-DTTTTKPĐT-BNN
4	Dự toán hàng năm kinh phí đề tài	B4-DTHNKPĐT-BNN
5	Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm	B5-TMDA-BNN
6	Tóm tắt hoạt động KH-CN của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án	B6-LLTC-BNN
7	Lý lịch khoa học của cá nhân thực hiện đề tài, dự án SXTN	B7-LLCN-BNN
8	Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án SXTN	B8-ĐONTC-BNN
9	Giấy xác nhận phối hợp thực hiện đề tài, dự án SXTN	B9-PHNC-BNN
10	Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì đề tài	B10-PTCĐT-BNN
11	Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì dự án SXTN	B11-PTCDA-BNN
12	Biên bản họp hội đồng đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức cá nhân chủ trì đề tài, dự án SXTN	B12-BBHĐT-C-BNN
13	Biên bản kiểm phiếu hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức cá nhân chủ trì đề tài, dự án SXTN	B13a-BBKPĐGTC-BNN B13b-BBKPĐGTC-BNN
14	Phiếu đánh giá kết quả đề tài khoa học và công nghệ	B14-PĐGKQĐT-BNN

09695653

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

<b>TT</b>	<b>Tên biểu bảng</b>	<b>Ký hiệu biểu bảng</b>
15	Phiếu đánh giá kết quả đề tài dự án SXTN	B15-PĐGKQDA-BNN
16	Biên bản đánh giá kết quả đề tài KHCN	B16-BBHĐĐGKQ(ĐT)-BNN
17	Kiểm phiếu chấm điểm đánh giá kết quả đề tài KHCN	B17-KPĐGKQ-BNN
18	Hợp đồng nghiên cứu	B18-HĐNCKH-BNN
19	Báo cáo định kỳ	B19-BCĐK-BNN
20	Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu	B20-BCTK-BNN

B1-TMTTĐT-BNN

## THUYẾT MINH TỔNG THỂ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ<sup>1</sup>

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

<b>1</b> Tên đề tài	<b>2</b> Mã số
<b>3</b> Thời gian thực hiện:..... tháng (Từ tháng...../200.... đến tháng...../200....)	<b>4</b> Cấp quản lý Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/>
<b>5</b> Kinh phí ..... triệu đồng, trong đó:	
<b>Nguồn</b>	<b>Tổng số (triệu đồng)</b>
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Từ nguồn tự có của cơ quan	
- Từ nguồn khác	
<b>6</b> <input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có)	
<input type="checkbox"/> Thuộc Dự án KH&CN (ghi rõ tên dự án KH&CN, nếu có)	
<input type="checkbox"/> Đề tài độc lập	
<b>7</b> Lĩnh vực khoa học	
<input type="checkbox"/> Tự nhiên;	<input type="checkbox"/> Nông, lâm, ngư nghiệp;
<input type="checkbox"/> Kỹ thuật (Công nghiệp, XD, GT,...);	<input type="checkbox"/> Y dược.
<b>8</b> Chủ nhiệm đề tài	
Họ và tên: .....	
Năm sinh: .....	
Nam/Nữ:.....	

<sup>1</sup>Mẫu Thuyết minh này dùng cho đề tài nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm thuộc các lĩnh vực khoa học đã nêu tại mục 7, trang 1 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

Học hàm:..... Năm được phong học hàm: .....  
Học vị:..... Năm đạt học vị:.....  
Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....  
Điện thoại:  
Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile: .....  
Fax:..... E-mail: .....  
Tên cơ quan đang công tác: .....  
.....  
Địa chỉ cơ quan: .....  
.....  
Địa chỉ nhà riêng: .....  
.....

**9 Cơ quan chủ trì đề tài**

Tên cơ quan chủ trì đề tài:.....  
.....  
Điện thoại:..... Fax: .....  
E-mail: .....  
Website:.....  
Địa chỉ: .....  
.....  
Họ và tên thủ trưởng cơ quan: .....  
Số tài khoản:.....  
Ngân hàng: .....  
Tên cơ quan chủ quản đề tài: .....

09695653

LawSoft \* Tel: +84 8 3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**II. NỘI DUNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỀ TÀI**

**10 Mục tiêu của đề tài (bám sát và cụ thể hóa mục tiêu đặt hàng - nếu có đặt hàng)**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....











**14 Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

(Luận cứ rõ việc lựa chọn các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp với từng nội dung của đề tài; làm rõ tính mới, sáng tạo, độc đáo của các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**15 Hợp tác quốc tế**

	<b>Tên đối tác</b> <i>(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)</i>	<b>Nội dung hợp tác</b> <i>(Ghi rõ nội dung, lý do, hình thức hợp tác, kết quả thực hiện hỗ trợ cho đề tài này)</i>
<b>Đã hợp tác</b>		
<b>Dự kiến hợp tác</b>	<b>Tên đối tác</b> <i>(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)</i>	<b>Nội dung hợp tác</b> <i>(Ghi rõ nội dung cần hợp tác; lý do hợp tác; hình thức thực hiện; dự kiến kết quả hợp tác đáp ứng yêu cầu của đề tài)</i>

16 Tiến độ thực hiện (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 13)				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện (các mốc đánh giá chủ yếu)	Sản phẩm phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Người, cơ quan thực hiện
1	2	3	4	5

### III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA ĐỀ TÀI

17 Dạng kết quả dự kiến của đề tài			
Dạng kết quả I	Dạng kết quả II	Dạng kết quả III	Dạng kết quả IV
<input type="checkbox"/> Mẫu (model, maket)	<input type="checkbox"/> Nguyên lý ứng dụng	<input type="checkbox"/> Sơ đồ, bản đồ	<input type="checkbox"/> Bài báo
<input type="checkbox"/> Sản phẩm (có thể trở thành hàng hóa, để thương mại hóa)	<input type="checkbox"/> Phương pháp	<input type="checkbox"/> Số liệu, Cơ sở dữ liệu	<input type="checkbox"/> Sách chuyên khảo
<input type="checkbox"/> Vật liệu	<input type="checkbox"/> Tiêu chuẩn	<input type="checkbox"/> Báo cáo phân tích	<input type="checkbox"/> Kết quả tham gia đào tạo sau đại học
<input type="checkbox"/> Thiết bị, máy móc	<input type="checkbox"/> Quy phạm	<input type="checkbox"/> Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...)	<input type="checkbox"/> Sản phẩm đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ
<input type="checkbox"/> Dây chuyền công nghệ	<input type="checkbox"/> Phần mềm máy tính	<input type="checkbox"/> Đề án, quy hoạch	
<input type="checkbox"/> Giống cây trồng	<input type="checkbox"/> Bản vẽ thiết kế	<input type="checkbox"/> Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi	
<input type="checkbox"/> Giống vật nuôi	<input type="checkbox"/> Quy trình công nghệ		
<input type="checkbox"/> Khác	<input type="checkbox"/> Khác	<input type="checkbox"/> Khác	<input type="checkbox"/> Khác

<b>18</b>	<b>Yêu cầu chất lượng và số lượng về kết quả, sản phẩm KH&amp;CN dự kiến tạo ra</b>					
(Kê khai đầy đủ, phù hợp với những dạng kết quả đã nêu tại mục 17)						
<b>18.1</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả I)</b>					
	<b>Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm</b>	<b>Đơn vị đo</b>	<b>Cần đạt</b>	<b>Mức chất lượng</b>		<b>Dự kiến số lượng, quy mô sản phẩm tạo ra</b>
				<b>Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)</b>		
					<b>Trong nước</b>	<b>Thế giới</b>
1	2	3	4	5	6	7
<b>18.2</b>	<b>Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả II, III)</b>					
	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được</b>				<b>Ghi chú</b>
1	2	3				4
<b>18.3</b>	<b>Dự kiến công bố kết quả tạo ra (dạng kết quả IV)</b>					
	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Tạp chí, Nhà xuất bản</b>				<b>Ghi chú</b>
1	2	3				4

09695653

LAWSOFT \* Tel: 84 8 3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**18.4. Đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật của các sản phẩm, công nghệ nghiên cứu, đặc biệt là của sản phẩm, công nghệ chủ yếu dự kiến tạo ra của đề tài so với các sản phẩm tương tự trong và ngoài nước; so sánh với các phương án nhập công nghệ hoặc mua sản phẩm tương tự để đánh giá hiệu quả của đề tài** (trình độ KH&CN, tính phù hợp, hiệu quả kinh tế,...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**19 Khả năng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu**

**19.1. Khả năng về thị trường** (nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu của khách hàng cụ thể nếu có; khi nào có thể đưa sản phẩm của đề tài ra thị trường?);

.....

.....

.....

.....

.....

**19.2. Khả năng về kinh tế** (khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng của sản phẩm)

.....

.....

.....

.....

**19.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp ngay trong quá trình nghiên cứu**

.....

.....

.....

.....

**19.4. Mô tả phương thức chuyển giao**

(chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu, liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn (với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu) theo tỷ lệ đã thoả thuận để cùng triển khai sản xuất, tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra,...)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**20 Các lợi ích mang lại và các tác động của kết quả nghiên cứu**

**20.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan**

(Ghi những dự kiến đóng góp vào các thành tựu nổi bật trong khoa học quốc tế, đóng góp vào tiêu chuẩn quốc tế; triển vọng phát triển theo hướng nghiên cứu của đề tài; ảnh hưởng về lý luận đến phát triển ngành khoa học, đến sáng tạo trường phái khoa học mới;...)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**20.2. Đối với nơi ứng dụng kết quả nghiên cứu**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**20.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường**

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: những luận cứ khoa học của đề tài có khả năng ảnh hưởng đến chủ trương chính sách, cơ chế quản lý cụ thể của Đảng và Nhà nước; khả năng nâng cao tiêu chuẩn văn hóa của xã hội; ảnh hưởng đến môi trường; khả năng ảnh

091556684 \* www.ThuVienPhapLuat.com  
LawSoft \* Tel: +84-8-3845-6684

hường đến sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng, hoặc tạo ra sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao hiệu quả sản xuất, v.v...)

.....

.....

.....

.....

#### IV. CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

##### 21 Hoạt động của các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài

(Ghi các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nhiệm vụ được giao thực hiện trong đề tài, kể cả các đơn vị sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu - Những dự kiến phân công này sẽ được thể hiện bằng các hợp đồng thực hiện giữa chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài với các đơn vị, tổ chức nói trên - khi được giao nhiệm vụ chính thức hoặc sau khi trúng tuyển)

	Tên tổ chức, thủ trưởng của tổ chức	Địa chỉ	Nhiệm vụ được giao thực hiện trong đề tài	Dự kiến kinh phí
1				
2				
3				
4				
5				

##### 22 Cán bộ thực hiện đề tài

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài)

	Họ và tên	Cơ quan công tác	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi <sup>3</sup> )
1			
2			
3			
4			

<sup>3</sup>Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc, mỗi ngày làm việc gồm 08 tiếng.

5			
6			
7			
8			
9			
10			

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị: triệu đồng

23 Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi							
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				Chi khác
			Công lao động (khoa học, phổ thông)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b> <i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:						
2	Các nguồn vốn khác - Vốn tự có của cơ sở - Khác (vốn huy động,...)						

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**Thủ trưởng**  
**Cơ quan chủ trì đề tài**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Họ tên và chữ ký)

**Bộ Nông nghiệp và PTNT**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



B2-TMHNĐT-BNN

## THUYẾT MINH HÀNG NĂM ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ<sup>1</sup>

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

<b>1</b> Tên đề tài	<b>2</b> Mã số
<b>3</b> Thời gian thực hiện: - Của cả đề tài (từ năm..... đến năm.....) - Của năm kế hoạch thứ: (Từ tháng...../20..... đến tháng...../20..... )	<b>4</b> Cấp quản lý Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/>
<b>5</b> Kinh phí: Tổng số: Đã cấp qua từng năm: Năm 1:....., Năm 2:....., Năm 3:....., Năm 4:....., Cộng:..... Cấp năm kế hoạch:	
<b>Nguồn</b>	<b>Tổng số (triệu đồng)</b>
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Từ nguồn tự có của cơ quan	
- Từ nguồn khác	
<b>6</b> <input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có) <input type="checkbox"/> Thuộc Dự án KH&CN (ghi rõ tên dự án KH&CN, nếu có) <input type="checkbox"/> Đề tài độc lập	
<b>7</b> Lĩnh vực khoa học <input type="checkbox"/> Tự nhiên; <input type="checkbox"/> Nông, lâm, ngư nghiệp; <input type="checkbox"/> Kỹ thuật (Công nghiệp, XD, GT,...); <input type="checkbox"/> Y dược.	
<b>8</b> Chủ nhiệm đề tài Họ và tên: ..... Năm sinh: ..... Nam/Nữ:.....	

<sup>1</sup>Mẫu Thuyết minh hàng năm này dùng cho đề tài nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm thuộc các lĩnh vực khoa học đã nêu tại mục 7, trang 1 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

Học hàm:..... Năm được phong học hàm: .....

Học vị:..... Năm đạt học vị:.....

Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....

Điện thoại:

Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile: .....

Fax:..... E-mail: .....

Tên cơ quan đang công tác: .....

.....

Địa chỉ cơ quan: .....

.....

Địa chỉ nhà riêng: .....

.....

## 9 Cơ quan chủ trì đề tài

Tên cơ quan chủ trì đề tài:.....

.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:.....

Website:.....

Địa chỉ: .....

.....

Họ và tên thủ trưởng cơ quan: .....

Số tài khoản:.....

Ngân hàng: .....

Tên cơ quan chủ quản đề tài: .....

## II. NỘI DUNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỀ TÀI

**10 Mục tiêu của đề tài** (bám sát và cụ thể hóa mục tiêu đặt hàng - nếu có đặt hàng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**11 Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài**

(Chỉ ghi những nội dung cơ bản trong Thuyết minh tổng thể - Biểu B1-TMTTĐT-BNN)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

*Trong nước:* (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện; nếu có các đề tài cùng bản chất đang thực hiện hoặc đăng ký nghiên cứu ở cấp khác, nơi khác của nhóm nghiên cứu phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi cụ thể Tên đề tài, tên Chủ nhiệm đề tài và Cơ quan chủ trì đề tài đó)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**11.3. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài đã nêu trong phần tổng quan** (tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố - chỉ ghi những công trình tác giả thật tâm đắc và đã trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

LawSoft \* Tel: +84 8 3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com





**14 Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

(Luận cứ rõ việc lựa chọn các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp với từng nội dung của đề tài; làm rõ tính mới, sáng tạo, độc đáo của các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**15 Hợp tác quốc tế**

	<b>Tên đối tác</b> <i>(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)</i>	<b>Nội dung hợp tác</b> <i>(Ghi rõ nội dung, lý do, hình thức hợp tác, kết quả thực hiện hỗ trợ cho đề tài này)</i>
<b>Đã hợp tác</b>		
	<b>Tên đối tác</b> <i>(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)</i>	<b>Nội dung hợp tác</b> <i>(Ghi rõ nội dung cần hợp tác; lý do hợp tác; hình thức thực hiện; dự kiến kết quả hợp tác đáp ứng yêu cầu của đề tài)</i>
<b>Dự kiến hợp tác</b>		

<b>16 Tiến độ thực hiện</b> (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 13)				
	<b>Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện</b> (các mốc đánh giá chủ yếu)	<b>Sản phẩm phải đạt</b>	<b>Thời gian</b> (bắt đầu, kết thúc)	<b>Người, cơ quan thực hiện</b>
1	2	3	4	5

### III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA ĐỀ TÀI

<b>17 Dạng kết quả dự kiến của đề tài</b>				
<b>Dạng kết quả I</b>	<b>Dạng kết quả II</b>	<b>Dạng kết quả III</b>	<b>Dạng kết quả IV</b>	
<input type="checkbox"/> Mẫu (model, maket)	<input type="checkbox"/> Nguyên lý ứng dụng	<input type="checkbox"/> Sơ đồ, bản đồ	<input type="checkbox"/> Bài báo	09695653 LawSoft - Tel: +84-6-3945 6694 - www.HuuVienPhapLuat.com
<input type="checkbox"/> Sản phẩm (có thể trở thành hàng hóa, để thương mại hóa)	<input type="checkbox"/> Phương pháp	<input type="checkbox"/> Số liệu, Cơ sở dữ liệu	<input type="checkbox"/> Sách chuyên khảo	
<input type="checkbox"/> Vật liệu	<input type="checkbox"/> Tiêu chuẩn	<input type="checkbox"/> Báo cáo phân tích	<input type="checkbox"/> Kết quả tham gia đào tạo sau đại học	
<input type="checkbox"/> Thiết bị, máy móc	<input type="checkbox"/> Quy phạm	<input type="checkbox"/> Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...)	<input type="checkbox"/> Sản phẩm đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ	
<input type="checkbox"/> Dây chuyền công nghệ	<input type="checkbox"/> Phần mềm máy tính	<input type="checkbox"/> Đề án, quy hoạch		
<input type="checkbox"/> Giống cây trồng	<input type="checkbox"/> Bản vẽ thiết kế	<input type="checkbox"/> Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi		
<input type="checkbox"/> Giống vật nuôi	<input type="checkbox"/> Quy trình công nghệ			
<input type="checkbox"/> Khác	<input type="checkbox"/> Khác	<input type="checkbox"/> Khác	<input type="checkbox"/> Khác	

**18 Yêu cầu chất lượng và số lượng về kết quả, sản phẩm KH&CN dự kiến tạo ra**  
(Kê khai đầy đủ, phù hợp với những dạng kết quả đã nêu tại mục 17)

**18.1. Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả I)**

	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng, quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7

**18.2. Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả II, III)**

	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được	Ghi chú
1	2	3	4

**18.3. Dự kiến công bố kết quả tạo ra (dạng kết quả IV)**

	Tên sản phẩm	Tạp chí, Nhà xuất bản	Ghi chú
1	2	3	4



**18.4. Đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của các sản phẩm, công nghệ nghiên cứu, đặc biệt là của sản phẩm, công nghệ chủ yếu dự kiến tạo ra của đề tài so với các sản phẩm tương tự trong và ngoài nước; so sánh với các phương án nhập công nghệ hoặc mua sản phẩm tương tự để đánh giá hiệu quả của đề tài** (trình độ KH&CN, tính phù hợp, hiệu quả kinh tế, ...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**19 Khả năng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu**

**19.1. Khả năng về thị trường** (nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu của khách hàng cụ thể nếu có; khi nào có thể đưa sản phẩm của đề tài ra thị trường?);

.....

.....

.....

.....

**19.2. Khả năng về kinh tế** (khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng của sản phẩm)

.....

.....

.....

.....

**19.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp ngay trong quá trình nghiên cứu**

.....

.....

.....

.....

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

096955133

**19.4. Mô tả phương thức chuyển giao**

(chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu, liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn (với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu) theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất, tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra,...)

.....

.....

.....

.....

.....

**20 Các lợi ích mang lại và các tác động của kết quả nghiên cứu****20.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan**

(Ghi những dự kiến đóng góp vào các thành tựu nổi bật trong khoa học quốc tế; đóng góp vào tiêu chuẩn quốc tế; triển vọng phát triển theo hướng nghiên cứu của đề tài; ảnh hưởng về lý luận đến phát triển ngành khoa học, đến sáng tạo trường phái khoa học mới;...)

.....

.....

.....

.....

**20.2. Đối với nơi ứng dụng kết quả nghiên cứu**

.....

.....

.....

.....

.....

**20.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường**

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: những luận cứ khoa học của đề tài có khả năng ảnh hưởng đến chủ trương chính sách, cơ chế quản lý cụ thể của Đảng và Nhà nước; khả năng nâng cao tiêu chuẩn văn hóa của xã hội; ảnh hưởng đến môi trường; khả năng ảnh

hường đến sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng, hoặc tạo ra sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao hiệu quả sản xuất, v.v...)

.....

.....

#### IV. CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

##### 21 Hoạt động của các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài

(Ghi các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nhiệm vụ được giao thực hiện trong đề tài, kể cả các đơn vị sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu - Những dự kiến phân công này sẽ được thể hiện bằng các hợp đồng thực hiện giữa chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài với các đơn vị, tổ chức nói trên - khi được giao nhiệm vụ chính thức hoặc sau khi trúng tuyển)

	Tên tổ chức, thủ trưởng của tổ chức	Địa chỉ	Nhiệm vụ được giao thực hiện trong đề tài	Dự kiến kinh phí
1				
2				
3				
4				
5				

##### 22 Cán bộ thực hiện đề tài

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài)

	Họ và tên	Cơ quan công tác	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi <sup>3</sup> )
1			
2			
3			
4			
5			

<sup>3</sup>Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc, mỗi ngày làm việc gồm 08 tiếng.

	Họ và tên	Cơ quan công tác	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi <sup>3</sup> )
6			
7			
8			
9			
10			

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị: triệu đồng

23	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
Công lao động (khoa học, phổ thông)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ		
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b> <i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách SNKH:						
2	Các nguồn vốn khác - Vốn tự có - Khác (huy động,...)						

....., ngày ..... tháng ..... năm 200...

**Thủ trưởng**  
**Cơ quan chủ trì đề tài**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Họ tên và chữ ký)

## DỰ TOÁN TỔNG THỂ KINH PHÍ ĐỀ TÀI

(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn						
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH			Tự có	Khác		
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai			Năm thứ ..... *	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Công lao động (khoa học, phổ thông)									
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng									
3	Thiết bị, máy móc									
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ									
5	Chi khác									
<b>Tổng cộng:</b>										

**Ghi chú:**

\* Căn cứ theo số năm của đề tài bổ sung đủ số cột cho các năm

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI**  
(Theo nhóm mục chi)\*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nhóm mục chi	Tổng số		Nguồn vốn						
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH**				Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ .....			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Nhóm 1: Thanh toán cá nhân (bao gồm các mục chi: 100, 101, 102,106)									
II	Nhóm 2: Nghiệp vụ chuyên môn (bao gồm các mục chi: 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 119)									
III	Nhóm 3: Mua sắm sửa chữa (bao gồm các mục chi: 118, 144, 145, 157)									
IV	Nhóm 4: Các khoản chi khác (bao gồm các mục chi: 134,...)									
<b>Tổng cộng:</b>										

\* Ghi chú: Các mục chi của Hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước được ban hành theo Quyết định số 280 TC/QĐ/NSNN ngày 15/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 26/2004/QĐ-BTC ngày 18/3/2004 và Quyết định số 23/2005/QĐ-BTC ngày 15/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

# GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Đơn vị: triệu đồng

Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Tổng kinh phí	Nguồn vốn						
				SNKH				Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ .....			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1		Thuê khoán lao động khoa học								
2		Thuê khoán lao động phổ thông								
		<b>Cộng</b>								

Số 15 - 16 - 6 - 2006  
Số 16 - 16 - 6 - 2006

CÔNG BẢO  
LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com





TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					Tự có	Khác
							SNKH						
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ...			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
<b>I</b>		<b>Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài</b> (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)											
<b>II</b>		<b>Thiết bị mua mới</b>											
1		Mua thiết bị, công nghệ											
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường											
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền											



**Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn				
				SNKH			Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai		
1		Chi phí xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN						
2		Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN						
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước						
4		Chi phí khác						
		<b>Cộng:</b>						

Số 15 - 16 - 6 - 2006  
Số 16 - 16 - 6 - 2006

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

CÔNG BẢO

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ .....		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1		<b>Công tác trong nước</b> (địa điểm, thời gian, số lượt người)							
2		<b>Hợp tác quốc tế</b>							
a		Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)							
b		Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)							
3		<b>Kinh phí quản lý</b> (của cơ quan chủ trì)							
4		<b>Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp</b>							
		- Chi phí kiểm tra trung gian							
		- Chi phí nghiệm thu trung gian							
		- Chi phí nghiệm thu nội bộ							
		- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài							
5		<b>Chi khác</b>							
		- Hội thảo							
		- Hội nghị							
		- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm							

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn				Tự có	Khác
				SNKH					
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ .....		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		- Dịch tài liệu							
		- Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ							
		- Khác							
6		<i>Phụ cấp chủ nhiệm đề tài</i>							
		<b>Cộng:</b>							

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**Thủ trưởng**  
**Cơ quan chủ trì đề tài**  
*(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)*

**Chủ nhiệm đề tài**  
*(Họ tên và chữ ký)*

**Vụ Tài chính**

**Vụ Khoa học công nghệ**

## DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI NĂM 200...

## A. Theo nội dung chi

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH	Tự có	Khác
1	2	3	4	5	6	7
1	Công lao động (khoa học, phổ thông)					
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
5	Chi khác					
<b>Tổng cộng:</b>						

## DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI NĂM 200...

## B. Theo nhóm mục chi

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nhóm mục chi	Tổng số		Nguồn vốn		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH	Tự có	Khác
1	2	3	4	5	6	7
I	Nhóm 1: Thanh toán cá nhân (bao gồm các mục chi: 100, 101, 102, 106)					
II	Nhóm 2: Nghiệp vụ chuyên môn (bao gồm các mục chi: 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 119)					

1	2	3	4	5	6	7
III	Nhóm 3: Mua sắm sửa chữa (bao gồm các mục chi: 118, 144, 145, 157)					
IV	Nhóm 4: Các khoản chi khác (bao gồm các mục chi: 134,...)					
<b>Tổng cộng:</b>						

\* Ghi chú: Các mục chi của Hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước được ban hành theo Quyết định số 280 TC/QĐ/NSNN ngày 15/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 26/2004/QĐ-BTC ngày 18/3/2004 và Quyết định số 23/2005/QĐ-BTC ngày 15/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

## DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI NĂM 200...

### C. Giải trình các khoản chi

Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Tổng kinh phí	Nguồn vốn		
				SNKH	Tự có	Khác
1	2	3	4	4	5	6
1		Thuê khoán lao động khoa học				
2		Thuê khoán lao động phổ thông				
		<b>Cộng</b>				

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
							SNKH	Tự có	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1		Nguyên, vật liệu							
2		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng							
3		Năng lượng, nhiên liệu							
		- Than							
		- Điện	kW/h						
		- Xăng, dầu							
		- Nhiên liệu khác							
4		Nước	m <sup>3</sup>						
5		Mua sách, tài liệu, số liệu							
<b>Cộng:</b>									



**Khoản 3. Thiết bị, máy móc**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
							SNKH	Tự có	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>I</b>		<b>Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài</b> (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)							
<b>II</b>		<b>Thiết bị mua mới</b>							
1		Mua thiết bị, công nghệ							
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường							
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền							
4		Mua phần mềm máy tính							
<b>III</b>		<b>Khấu hao thiết bị</b> (chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp)							

Số 15 - 16 - 6 - 2006  
Số 16 - 16 - 6 - 2006

CÔNG BẢO

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn		
				SNKH	Tự có	Khác
1	2	3	4	5	6	7
1		<b>Công tác trong nước</b> (địa điểm, thời gian, số lượt người)				
2		<b>Hợp tác quốc tế</b>				
a		Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)				
b		Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)				
3		<b>Kinh phí quản lý</b> (của cơ quan chủ trì)				
4		<b>Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp</b>				
		- Chi phí kiểm tra trung gian				
		- Chi nghiệm thu trung gian				
		- Chi phí nghiệm thu nội bộ				
		- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài				
5		<b>Chi khác</b>				
		- Hội thảo				
		- Hội nghị				
		- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm				
		- Dịch tài liệu				

Số 15 - 16 - 6 - 2006  
Số 16 - 16 - 6 - 2006

www.ThuVienPhapLuat.com  
CÔNG BẢO  
LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684



B5-TMDA-BNN

THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM<sup>1</sup>

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1 Tên dự án		2 Mã số	
3 Thời gian thực hiện:..... tháng (Từ tháng...../200.... đến tháng...../200....)		4 Cấp quản lý Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/>	
5 <input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có)  <input type="checkbox"/> Dự án độc lập			
6 Tổng vốn thực hiện dự án..... triệu đồng, trong đó:			
Nguồn		Tổng số (triệu đồng)	
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học			
- Vốn tự có của cơ quan chủ trì			
- Khác (liên doanh...)			
7 Kinh phí thu hồi..... triệu đồng (..... % kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH)			
Thời gian thu hồi kinh phí (sau khi Dự án kết thúc):		Đợt 1:..... tháng, Đợt 2:..... tháng	
8 Chủ nhiệm dự án			
Họ và tên: .....			
Năm sinh: ..... Nam/Nữ:.....			
Học hàm: ..... Học vị:.....			
Chức danh khoa học:.....			
Chức vụ: .....			
Điện thoại: Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile: .....			
Fax:..... E-mail: .....			
Tên cơ quan đang công tác: .....			
Địa chỉ cơ quan: .....			
Địa chỉ nhà riêng: .....			

<sup>1</sup>Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. Dưới đây Dự án sản xuất thử nghiệm được gọi tắt là Dự án.

**9 Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án**

Tên tổ chức chủ trì Dự án: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

E-mail:.....

Website:.....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng cơ quan: .....

Số tài khoản:.....

Ngân hàng: .....

Tên cơ quan chủ quản dự án: .....

.....

**10 Tổ chức tham gia chính****10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ**

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:.....

.....

Điện thoại:..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng cơ quan: .....

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của Dự án: .....

.....

**10.2. Tổ chức khác**

Tên tổ chức: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng cơ quan: .....

09695653

**11 Cán bộ thực hiện Dự án**

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B7-LLCN-BNN)

	Họ và tên	Cơ quan công tác	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi <sup>2</sup> )
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

**12 Xuất xứ**

[Ghi rõ xuất xứ của Dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền)
- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp)
- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan)

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

<sup>2</sup>Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

**13** Luận cứ về tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của Dự án

**13.1. Luận cứ về công nghệ là xuất xứ của Dự án đã nêu tại mục 12 và công nghệ dự kiến đạt được của Dự án** (tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).

.....

.....

.....

**13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm Dự án** (hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của Dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

.....

.....

.....

**13.3. Tác động của kết quả Dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng** (tác động của sản phẩm Dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).

.....

.....

.....

**13.4. Năng lực thực hiện Dự án** (mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong Dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro)

.....

.....

.....

**13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án** (nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất - kinh doanh,...).

.....

.....

.....





**15** Nội dung

**15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của Dự án) để triển khai trong Dự án**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**15.2. Phân tích những vấn đề mà Dự án cần giải quyết về công nghệ** (hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của Dự án sản xuất thử nghiệm);

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**15.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm.**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

056955553  
LawSoft - Tel: +84-8-3845 6684 - www.ThuVienPhapLuat.com

**16 Phương án triển khai**

**16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:**

*a) Phương thức tổ chức thực hiện:*

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần khẳng định rõ về năng lực thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu của Dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của Dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

*b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai Dự án:*

- Địa điểm thực hiện Dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai Dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m<sup>2</sup>), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho Dự án;...);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;...);

- Nhân lực cần cho triển khai Dự án: số cán bộ KH&CN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện Dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia Dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ Dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai Dự án và giải pháp khắc phục);

LawSoft - Tel: +84-6-3645 6694 - www.ThuVienPhapLuat.com

0395653

**16.2. Phương án tài chính** (phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện Dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai Dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia Dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia Dự án,...);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của Dự án (theo từng loại sản phẩm của Dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

**Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-5 và các phụ lục 1-7)**

**16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của Dự án** (giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm Dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của Dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**17 Sản phẩm của Dự án**

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký sở hữu công nghiệp; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

**18 Phương án phát triển của Dự án sau khi kết thúc**

**18.1. Phương thức triển khai** [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

**18.2. Quy mô sản xuất** (công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

**18.3. Tổng số vốn của Dự án sản xuất.**

### III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của Dự án sản xuất - Giá trị còn lại của thiết bị và nhà xưởng đã có + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

\* **Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

\* **Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

\* **Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế kỹ thuật.

**Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án**

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó							
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động				
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	<b>Ngân sách SNKH:</b> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:									
2	<b>Các nguồn vốn khác</b> - Vốn tự có của cơ sở - Khác (vốn huy động,...)									
	<b>Cộng:</b>									

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm**  
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

1	Nội dung	Tổng số chi phí (1000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
			4	5	6	
2		3				7
<b>A</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
<b>B</b>	<b>Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định</b>					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
	- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A + B):					
	- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:					

**Ghi chú:**

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định*: tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ*: được phân bổ cho thời gian thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

**Bảng 3. Tổng doanh thu**  
(Cho thời gian thực hiện Dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
<b>Cộng:</b>					

**Bảng 4. Tổng doanh thu**  
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
<b>Cộng:</b>					

09795653  
 Tel: +84-8-3845-6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com  
 LawSoft



**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế Dự án (cho 1 năm đạt 100% công suất)**

TT	Nội dung	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

**Chú thích:**

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bỏ sun mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}} \times 100 = \text{.....}\%$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{.....}\%$$

 09.695673  
 Tel: +84-8-3845.6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



**DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN**  
(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn					
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH			Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai			Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thiết bị, máy móc mua mới								
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo								
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ								
4	Chi phí lao động								
5	Nguyên vật liệu năng lượng								
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng								
7	Chi khác								
	<b>Tổng cộng:</b>								

**DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN**  
(Theo nhóm mục chi)\*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nhóm mục chi	Tổng số		Nguồn vốn						
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH			Tự có	Khác		
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai			Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Nhóm 1: Thanh toán cá nhân (bao gồm các mục chi: 100, 101, 102, 106)									
II	Nhóm 2: Nghiệp vụ chuyên môn (bao gồm các mục chi: 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 119)									
III	Nhóm 3: Mua sắm sửa chữa (bao gồm các mục chi: 118, 144, 145, 157)									
IV	Nhóm 4: Các khoản chi khác (bao gồm các mục chi: 134, ...)									
<b>Tổng cộng:</b>										

\* Ghi chú: Các mục chi của Hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước được ban hành theo Quyết định số 280 TC/QĐ/NSNN ngày 15/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 26/2004/QĐ-BTC ngày 18/3/2004 và Quyết định số 23/2005/QĐ-BTC ngày 15/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính





## YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

Đơn vị: triệu đồng

## A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
I	<b>Thiết bị công nghệ</b>				
1					
2					
3					
4					
II	<b>Thiết bị thử nghiệm, đo lường</b>				
1					
2					
3					
4					
				<b>Cộng:</b>	

## YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

## B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					Tự có	Khác
							Ngân sách SNKH						
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Mua thiết bị công nghệ											
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường											
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền											
4		Mua phần mềm máy tính											
5		Vận chuyển lắp đặt											
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)											
<b>Cộng:</b>													

\* Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ **mua nguyên chiếc** thiết bị, máy móc



## CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn						
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
<b>A</b>		<b>Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)</b>								
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ								
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật								
3		- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào								
4		- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm								
5		.....								
<b>B</b>		<b>Chi phí đào tạo công nghệ</b>								
1		- Cán bộ công nghệ								
2		- Công nhân vận hành								
3		.....								
		<b>Cộng</b>								

## ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Đơn vị: triệu đồng

## A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
<b>Cộng A:</b>					

## B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1		Xây dựng nhà xưởng mới							
2		Chi phí sửa chữa cải tạo							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện							
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước							
5		Chi phí khác							
<b>Cộng B:</b>									

**Phụ lục 6**

**CHI PHÍ LAO ĐỘNG**

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Chủ nhiệm Dự án											
2		Kỹ sư											
3		Nhân viên kỹ thuật											
4		Công nhân											
		<b>Cộng</b>											

**Phụ lục 7**

**CHI KHÁC CHO DỰ ÁN**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn						
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1		<b>Công tác phí</b> - Trong nước - Ngoài nước								



KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	Nội dung công việc	Tháng																									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...	
1	2	3																									
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																										
2	Hoàn thiện công nghệ																										
3	Chế tạo, mua thiết bị																										
4	Lắp đặt thiết bị																										
5	Đào tạo công nhân																										
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																										
7	Thử nghiệm mẫu																										
8	Hiệu chỉnh công nghệ																										
9	Đánh giá nghiệm thu																										

## VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

## I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			Chú thích
			200..	200..	200..	
1	2	3	4	5	6	8
1						
2						

## II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			200..	200..	200..		
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							

### III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						

**Thủ trưởng**  
**Cơ quan chủ trì đề tài**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Họ tên và chữ ký)

**Vụ Tài chính**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

**Vụ Khoa học công nghệ**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

B6-LLTC-BNN

## TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ<sup>1</sup> CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

### 1. Tên tổ chức

Năm thành lập

Địa chỉ

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

### 2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn

### 3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức

TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Tổng số
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

<sup>1</sup>Mẫu tóm tắt hoạt động KH&CN của Tổ chức được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.



**4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn**

TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện Đề tài, Dự án SXTN
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

**5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án SXTN đã kê khai ở mục 4 trên đây (nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác,...)**

09695653

**6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn:**

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu:

**7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài NS SNKH) cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn**

- Vốn tự có: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).
- Nguồn vốn khác: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

**THỦ TRƯỞNG**

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**

(Họ tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

**B7-LLCN-BNN**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC  
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN<sup>1</sup>**

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN:

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN<sup>2</sup>:

<b>1. Họ và tên:</b>			
<b>2. Năm sinh:</b>		<b>3. Nam/Nữ:</b>	
<b>4. Học hàm:</b>		<b>Năm được phong học hàm:</b>	
<b>Học vị:</b>		<b>Năm đạt học vị:</b>	
<b>5. Chức danh nghiên cứu:</b>		<b>Chức vụ:</b>	
<b>6. Địa chỉ nhà riêng:</b>			
<b>7. Điện thoại: CQ:</b>		<b>; NR:</b>	<b>; Mobile:</b>
<b>8. Fax:</b>		<b>E-mail:</b>	
<b>9. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án:</b>			
Tên người Lãnh đạo Cơ quan:			
Điện thoại người Lãnh đạo Cơ quan:			
Địa chỉ Cơ quan:			
<b>10. Quá trình đào tạo</b>			
<b>Bậc đào tạo</b>	<b>Nơi đào tạo</b>	<b>Chuyên môn</b>	<b>Năm tốt nghiệp</b>
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

<sup>1</sup>Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ trì hoặc tham gia thực hiện chính đề tài NCCB, KHXX, KHCN hoặc dự án SXTN (gọi tắt là dự án). Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

<sup>2</sup>Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 17 bản Thuyết minh đề tài NCCB, mục 22 Thuyết minh đề tài KHXX và Thuyết minh đề tài KHCN hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng.

09695653

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**11. Quá trình công tác**

Thời gian (Từ năm... đến năm...)	Vị trí công tác	Cơ quan công tác	Địa chỉ Cơ quan

**12. Các công trình công bố chủ yếu**

(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1				
2				

**13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp**

(liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng
1		
2		

**14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn**

(liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)
1			
2			

09695653

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia**

(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

<i>Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
<i>Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>

**16. Giải thưởng**

(về KH&amp;CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

**17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác**

(liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA  
CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN  
CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN<sup>3</sup>**  
(Xác nhận và đóng dấu)

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)  
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**  
(Họ tên và chữ ký)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà... chủ trì (tham gia) thực hiện Đề tài, Dự án

<sup>3</sup>Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này.

**B8-DONTC-BNN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**ĐƠN ĐĂNG KÝ<sup>1</sup>  
CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**

**Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Căn cứ thông báo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN năm 200..., chúng tôi:

**a)** .....

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn làm cơ quan chủ trì Đề tài, Dự án SXTN)

**b)** .....

(Họ và tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đăng ký tuyển chọn làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN)

xin đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN:

.....  
.....  
.....  
.....

<sup>1</sup> Đơn này được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

19695653

**Thuộc lĩnh vực KH&CN:**

.....  
Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):  
.....

Mã số của Chương trình: .....

**Hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN gồm:**

1. Thuyết minh đề tài theo *biểu B1-TMTTĐT-BNN*, hoặc Thuyết minh dự án SXTN theo biểu *B5-TMDA-BNN*;
2. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN theo biểu *B6. LLTC-BNN*;
3. Lý lịch khoa học của .....<sup>2</sup> cá nhân đăng ký chủ nhiệm và *tham gia chính* Đề tài, Dự án SXTN theo biểu *B7-LLCN-BNN*;
4. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các *tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu* (biểu *B9-PHNC-BNN*) - nếu có phối hợp nghiên cứu;
5. Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (nếu có kê khai huy động vốn từ nguồn khác).

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm 200....

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên và chữ ký)

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

<sup>2</sup> Ghi số người đăng ký tham gia thực hiện chính đề tài, dự án SXTN.

B9-PHNC-BNN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—o0o—

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN<sup>1</sup>  
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN***Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***1. Tên Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn:**

.....  
 .....  
 .....

Thuộc Chương trình KH&amp;CN (nếu có):

.....  
 Mã số của Chương trình: .....

***Thuộc lĩnh vực KH&CN:***

.....

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN

.....  
 .....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN

.....

<sup>1</sup> Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.



**3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN**

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN

Địa chỉ .....

Điện thoại .....

Nội dung công việc tham gia trong đề tài (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản Thuyết minh Đề tài, Dự án SXTN của Hồ sơ đăng ký tuyển chọn gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Đề tài Dự án SXTN.

....., ngày.....tháng.....năm 200...

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên và chữ ký)

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG  
KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN  
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

09695653

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**B10-PTCĐT-BNN****BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN  
TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHCN***Hà Nội, ngày tháng năm 200***PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN  
TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHCN****1. Tên đề tài:****2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện đề tài:***Tên tổ chức:**Họ và tên cá nhân:***3. Các tiêu chí đánh giá**

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá <sup>1</sup>						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm ĐG của chuyên gia
		1	2	3	4	5	
<b>I. Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của đề tài</b>							
1. Mức độ đầy đủ, rõ ràng của việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu và so sánh sự khác biệt trình độ của sản phẩm, công nghệ ở trong nước và ở ngoài nước	1						

<sup>1</sup> Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu:

- Tất cả các tiêu chí từ 1 đến 15 phải được ghi điểm;
- Mỗi tiêu chí chỉ được ghi 01 mức điểm (bằng số) trong thang điểm đã bố trí trên phiếu.

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm ĐG của chuyên gia
		1	2	3	4	5	
2. Đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của các công trình nghiên cứu đã có và những hạn chế của sản phẩm, công nghệ trong nước cần giải quyết; mức độ rõ ràng, tính khoa học, cụ thể của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài; mức độ cụ thể hóa mục tiêu	1						
<b>II. Cách tiếp cận, nội dung và phương pháp nghiên cứu</b>							
3. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	1						
4. Tính đầy đủ, phù hợp và logic của nội dung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu tương ứng để đạt mục tiêu của đề tài	2						
5. Mức độ làm rõ nội dung quan trọng, chủ yếu của đề tài	1						
<b>III. Kết quả nghiên cứu dự kiến</b>							
6. Tính đầy đủ, hợp lý và tương thích về số lượng và chất lượng của sản phẩm, kết quả nghiên cứu so với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	1						
7. Trình độ KH&CN của sản phẩm, công nghệ dự kiến tạo ra so với trình độ của sản phẩm, công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	3						
8. Tính phù hợp và khả thi của sản phẩm, kết quả tạo ra trong điều kiện Việt Nam	1						
<b>IV. Khả năng ứng dụng và hiệu quả của đề tài</b>							
9. Hiệu quả kinh tế - xã hội, tác động KH&CN	1						
10. Tính khả thi của các phương án chuyển giao, nhân rộng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu.	1						
11. Khả năng cạnh tranh của công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra so với nhập công nghệ hoặc mua sản phẩm tương tự	1						

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm ĐG của chuyên gia
		1	2	3	4	5	
<b>V. Tính khả thi của đề tài</b>							
12. Năng lực chuyên môn và thời gian thực tế có thể dành cho nghiên cứu của các cán bộ KH&CN thực hiện chính đề tài	2						
13. Năng lực tổ chức thực hiện (tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch, các mốc phải đạt, khả năng hoàn thành...)	1						
14. Cơ sở vật chất; hợp tác trong nước và ngoài nước phục vụ đề tài	1						
15. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với chất lượng và số lượng sản phẩm dự kiến tạo ra; tính hợp lý của việc phân bổ kinh phí cho các nội dung nghiên cứu (đặc biệt là các khoản chi công lao động và mua sắm thiết bị nghiên cứu)	2						
<b>Tổng số:</b>							

09695653

B11-PTCDA-BNN

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN  
TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN**

Hà Nội, ngày tháng năm 200

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC**  
**VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

1. Tên dự án SXTN:

2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện dự án SXTN:

*Tên tổ chức:*

*Họ và tên cá nhân:*

3. Các tiêu chí đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá <sup>1</sup>						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm ĐG của chuyên gia
		1	2	3	4	5	
<b>I. Giá trị công nghệ của dự án</b>							
1. Mức độ hoàn thiện công nghệ của dự án	2						
2. Trình độ công nghệ của sản phẩm, công nghệ chủ yếu của dự án so với trình độ sản phẩm, công nghệ tương tự trong nước và ở nước ngoài	2						

<sup>1</sup> Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu:

- Tất cả các tiêu chí từ 1 đến 14 phải được ghi điểm;
- Mỗi tiêu chí chỉ được ghi 01 mức điểm (bằng số) trong thang điểm đã bố trí trên phiếu.

Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá						
	Hệ số	Thang điểm					Điểm ĐG của chuyên gia
		1	2	3	4	5	
<b>II. Phương án triển khai dự án</b>							
3. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	1						
4. Tính hợp lý, đầy đủ, chính xác của phương án tài chính	1						
5. Tính rõ ràng và khả thi của phương án kinh doanh sản phẩm và khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi	2						
<b>III. Tổng đầu tư và lợi ích trực tiếp của dự án</b>							
6. Tính hợp lý của tổng đầu tư thực hiện dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	1						
7. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại	1						
<b>IV. Khả năng thương mại và phát triển lâu dài của dự án sau khi kết thúc</b>							
8. Khả năng chuyển giao kết quả của dự án	1						
9. Khả năng chiếm lĩnh thị trường của kết quả dự án ở trong nước và ngoài nước	2						
10. Khả năng nhân rộng và phát triển lâu dài của dự án ở trong nước và ngoài nước	1						
<b>V. Năng lực thực hiện dự án</b>							
11. Năng lực, uy tín, thời gian thực tế có thể dành cho việc thực hiện dự án của cán bộ KH&CN thực hiện chính	2						
12. Cơ sở vật chất; mức độ cam kết của các đối tác trong nước và ngoài nước hỗ trợ thực hiện dự án	1						
13. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ so với kết quả và mục đích đầu tư và tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện dự án	1						
14. Mức độ cam kết về nguồn tài chính khác (tính khả thi của việc huy động nguồn tài chính khác)	2						
<b>Tổng số:</b>							

09695653

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**B12-BBHĐTC-BNN**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN  
TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ  
TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**

*Hà Nội, ngày tháng năm 200*

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KH&CN  
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ  
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**

**A. Những thông tin chung**

**1. Tên Đề tài, Dự án SXTN:**

.....  
.....  
.....

**2. Quyết định thành lập Hội đồng**

Quyết định số ...../QĐ-BNN-KHCN ngày ...../...../200... của Bộ trưởng Bộ  
NN&PTNT

**3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng**

....., ngày .../..../200 và ngày .../..../200

**4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá chấm điểm):** ...../.....

**Vắng mặt:** ..... người, gồm các thành viên:

.....  
.....

**5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (đối với phiên họp đánh giá chấm điểm)**

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Đơn vị công tác</i>
1		
2		

### **B. Nội dung làm việc của Hội đồng**

các thành viên và/hoặc đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT mời các chuyên gia phản biện nhận xét đánh giá tất cả các Hồ sơ đăng ký *tuyển chọn, xét chọn* chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN. Đó là các chuyên gia sau đây:

<i>TT</i>	<i>Họ và tên chuyên gia phản biện</i>	<i>Ghi chú (Chuyên gia phản biện là thành viên hoặc không là thành viên Hội đồng)</i>
1	2	3
1		
2		

Hội đồng nhất trí cử Ông, Bà ..... là Thư ký khoa học của Hội đồng.

### **2. Tại phiên họp đánh giá tuyển chọn Hồ sơ**

**2.1/** Hội đồng đã thảo luận, nhận định đánh giá khái quát về mặt mạnh, mặt yếu của từng Hồ sơ theo các tiêu chí đã quy định.

**2.2/** Hội đồng đã nghe các chuyên gia phản biện đọc Bản nhận xét, phân tích từng Hồ sơ đăng ký *tuyển chọn, xét chọn* chủ trì Đề tài, Dự án SXTN (và/hoặc Hội đồng đã đọc các Bản nhận xét của các Ủy viên phản biện không nêu danh).

Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các chuyên gia phản biện về từng tiêu chí đánh giá theo các yêu cầu đã được quy định.



2.3/ Hội đồng đã trao đổi, thảo luận từng Hồ sơ theo từng tiêu chí đã được quy định, nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của từng Hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định và đánh giá so sánh giữa các Hồ sơ *tuyển chọn, xét chọn* cùng một (01) Đề tài, Dự án SXTN.

2.4/ Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

2.4.1/ Trưởng Ban: .....

2.4.2/ Hai ủy viên:

.....

.....

2.5/ Hội đồng đã *bỏ phiếu kín* đánh giá từng Hồ sơ đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các Hồ sơ đăng ký *tuyển chọn, xét chọn* tổ chức cá nhân chủ trì Đề tài, Dự án SXTN được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

2.6/ Kết luận và kiến nghị của Hội đồng (*để lại những nội dung thích hợp*)

2.6.1/ Kết quả đánh giá của Hội đồng

- Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân sau đây chủ trì Đề tài, Dự án SXTN nêu trên:

*Tên tổ chức*

.....  
.....

*Họ và tên cá nhân*

.....

- Trong các Hồ sơ đăng ký chủ trì Đề tài đã được Hội đồng xem xét đánh giá, không có Hồ sơ nào đạt tổng số điểm trung bình từ 70/100 điểm trở lên. Vì vậy, Hội đồng không kiến nghị tổ chức và cá nhân nào chủ trì Đề tài này.

(Trong các Hồ sơ đăng ký chủ trì Dự án SXTN đã được Hội đồng xem xét đánh giá, không có Hồ sơ nào đạt tổng số điểm trung bình từ 65/100 điểm trở lên. Vì vậy, Hội đồng không kiến nghị tổ chức và cá nhân nào chủ trì Dự án SXTN này).

09695653  
LawSoft \* Tel: +848-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**2.6.2/ Hội đồng kiến nghị những điểm sau đây:**

- Về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh Đề tài, Dự án SXTN
- Về kinh phí cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN
- Về những điểm cần lưu ý khác trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được kiến nghị chủ trì

Hội đồng đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và phê duyệt.

**THƯ KÝ KHOA HỌC**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*(Họ, tên và chữ ký)*

# NHỮNG Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG (ghi chép của Thư ký khoa học của Hội đồng)

Tên thành viên	Tổng số	Tổng số	Tổng số
Ông Nguyễn Văn A	1	1	1
Bà Nguyễn Thị B	1	1	1
Ông Nguyễn Văn C	1	1	1
Bà Nguyễn Thị D	1	1	1
Ông Nguyễn Văn E	1	1	1
Bà Nguyễn Thị F	1	1	1
Ông Nguyễn Văn G	1	1	1
Bà Nguyễn Thị H	1	1	1
Ông Nguyễn Văn I	1	1	1
Bà Nguyễn Thị J	1	1	1
Ông Nguyễn Văn K	1	1	1
Bà Nguyễn Thị L	1	1	1
Ông Nguyễn Văn M	1	1	1
Bà Nguyễn Thị N	1	1	1
Ông Nguyễn Văn O	1	1	1
Bà Nguyễn Thị P	1	1	1
Ông Nguyễn Văn Q	1	1	1
Bà Nguyễn Thị R	1	1	1
Ông Nguyễn Văn S	1	1	1
Bà Nguyễn Thị T	1	1	1
Ông Nguyễn Văn U	1	1	1
Bà Nguyễn Thị V	1	1	1
Ông Nguyễn Văn W	1	1	1
Bà Nguyễn Thị X	1	1	1
Ông Nguyễn Văn Y	1	1	1
Bà Nguyễn Thị Z	1	1	1

09695653

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ  
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**

Hà Nội, ngày tháng năm 200

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**

Tên Đề tài, Dự án SXTN:

Tên Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN

Tên Tổ chức:

Tên cá nhân:

1. Số phiếu phát ra:                      2. Số phiếu thu về:                      3. Số phiếu hợp lệ:                      4. Kết quả bỏ phiếu:

Tiêu chí đánh giá	Ký hiệu các thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng											Tổng số điểm của các thành viên Hội đồng	Tổng số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng	
	Thành viên HĐ thứ nhất	Thành viên HĐ thứ hai	Thành viên HĐ thứ ba	Thành viên HĐ thứ tư	Thành viên HĐ thứ năm	Thành viên HĐ thứ sáu	Thành viên HĐ thứ bảy	Thành viên HĐ thứ tám	Thành viên HĐ thứ chín	Thành viên HĐ thứ mười	Thành viên HĐ thứ mười một			
Tiêu chí 1														

Tiêu chí đánh giá	Ký hiệu các thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng											Tổng số điểm của các thành viên Hội đồng	Tổng số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng	
	Thành viên HĐ thứ nhất	Thành viên HĐ thứ hai	Thành viên HĐ thứ ba	Thành viên HĐ thứ tư	Thành viên HĐ thứ năm	Thành viên HĐ thứ sáu	Thành viên HĐ thứ bảy	Thành viên HĐ thứ tám	Thành viên HĐ thứ chín	Thành viên HĐ thứ mười	Thành viên HĐ thứ mười một			
Tiêu chí 2														
Tiêu chí 3														
Tiêu chí 4														
Tiêu chí 5														
Tiêu chí 6														
Tiêu chí 7														
Tiêu chí 8														
Tiêu chí 9														
Tiêu chí 10														
Tiêu chí 11														
Tiêu chí 12														
Tiêu chí 13														
Tiêu chí 14														
Tiêu chí 15 (nếu có)														
<b>Tổng số</b>														

**Các thành viên Ban kiểm phiếu**

(Họ, tên và chữ ký)

**Trưởng Ban kiểm phiếu**

(Họ, tên và chữ ký)

09695653

**B13b-BBKPĐGTC-BNN****BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN  
TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ  
TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN***Hà Nội, ngày tháng năm 200***BẢN TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ<sup>1</sup>  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN****Tên Đề tài, Dự án SXTN:**

.....

.....

.....

1. Số phiếu phát ra:
2. Số phiếu thu về:
3. Số phiếu hợp lệ:
4. Kết quả bỏ phiếu:

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN	Tổng số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng (theo thứ tự từ cao xuống thấp)	Ghi chú (trường hợp Hồ sơ có điểm trung bình của tiêu chí dưới 3 điểm)
1	2	3	4
1			
2			
3			

**Các thành viên Ban kiểm phiếu**  
(Họ, tên và chữ ký)

**Trưởng Ban kiểm phiếu**  
(Họ, tên và chữ ký)

<sup>1</sup> Trường hợp có từ 02 Hồ sơ trở lên, cần tổng hợp kiểm phiếu đánh giá cho Đề tài, Dự án SXTN theo mẫu này.

B14-PĐGKQĐT-BNN

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ  
ĐỀ TÀI KH&CN**

....., ngày tháng năm 200...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**1. Tên Đề tài:**

• Mã số:

**2. Thuộc Chương trình (nếu có):**

**3. Chủ nhiệm Đề tài:**

**4. Cơ quan chủ trì Đề tài:**

**5. Tên chuyên gia đánh giá:**

**6. Bảng chấm điểm các chỉ tiêu đánh giá:**

**6.1/ Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản kết quả nghiên cứu của Đề tài so với Hợp đồng (được đánh giá tối đa 16 điểm):**

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Điểm ĐG của Chuyên gia</i>
1	2	3	4
1	Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của Đề tài	8	

09695653

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Điểm ĐG của Chuyên gia</i>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
2	Về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ + Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát, ... + Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ, ...	<u>8</u>  4  4	

**6.2/** Giá trị khoa học của các kết quả KHCN của Đề tài (*được đánh giá tối đa 8 điểm*):

<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
3	- Về tính mới, tính sáng tạo của Đề tài	<u>4</u>	
4	- Về tình hình công bố kết quả nghiên cứu của Đề tài (bài báo, ấn phẩm, ...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn + Về tài liệu công bố + Về mức độ trích dẫn	<u>2</u>  1 1	
5	- Những thành tựu nổi bật khác <i>liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu của Đề tài</i> , thể hiện bằng những đóng góp cụ thể: + Vị thế của nhà khoa học (những cá nhân tham gia đề tài) trong giới khoa học quốc tế, những công việc tư vấn được mời tham gia; + Có giá trị khoa học xuất sắc trong nước và so sánh được với những kết quả nghiên cứu tương tự trình độ quốc tế: đóng góp vào các thành tựu khoa học nổi bật trình độ quốc tế, đóng góp vào tiêu chuẩn quốc tế, vào việc trao đổi khoa học quốc tế, ...	<u>2</u>  1 1	



**6.3/** Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN (*được đánh giá tối đa 12 điểm*):

1	2	3	4
6	Chỉ tiêu KT-KT chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); Quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng;	<u>6</u>	
7	Đã được cấp bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc giống mới, công nghệ mới, TBKT mới đã được công nhận cấp Bộ.	<u>4</u>	
8	Đánh giá về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội (Sản phẩm KHCN đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn (doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Đề tài hoặc đầu tư 1 đồng vốn cho Đề tài tạo ra một số hoặc nhiều đồng lợi nhuận); Cơ sở dữ liệu hoặc cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch, mô hình, ... đã được sử dụng trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp có ý nghĩa thực tiễn cao, ...)	<u>2</u>	09695653

**6.4/** Đánh giá về tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài (*được đánh giá tối đa 4 điểm*):

10	Đánh giá về tổ chức và quản lý của Đề tài Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài	<u>2</u> <u>2</u>	
<b>Tổng số điểm</b>		<b><u>40</u></b>	

**7. Kết luận của thành viên hội đồng về xếp loại Đề tài**

(đánh dấu  $\checkmark$  vào ô tương ứng phù hợp):

Không vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài và phải **Đạt 20 điểm trở lên**, được chia các mức như sau:

**Loại Xuất sắc:**

**Từ 35-40 điểm**, trong đó: đạt điểm tối đa về giá trị khoa học - 8/8 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 2 và đạt điểm tối đa về giá trị ứng dụng - 12/12 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 3.

**Loại Khá: Từ 27 đến dưới 35 điểm.**

**Loại Đạt: Từ 20 đến dưới 27 điểm.**

**2. Loại Không Đạt: Dưới 20 điểm** hoặc vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài.

**8. Đề xuất của thành viên hội đồng về công nhận giống mới, công nghệ mới TBKT mới, kết thúc hoặc tiếp tục nghiên cứu ....)**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

(Họ, tên và chữ ký)

**B15-PĐGKQDA-BNN**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN ..... , ngày tháng năm 200...**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ  
DỰ ÁN SXTN**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

**1. Tên Dự án SXTN:**

• Mã số:

**2. Thuộc Chương trình (nếu có):**

**3. Chủ nhiệm Dự án SXTN:**

**4. Cơ quan chủ trì Dự án SXTN:**

**5. Tên chuyên gia đánh giá:**

**6. Bảng chấm điểm các chỉ tiêu đánh giá:**

**6.1/ Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản của kết quả thực hiện Dự án SXTN theo yêu cầu của Hợp đồng (được đánh giá tối đa 16 điểm):**

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Điểm ĐG của Chuyên gia</i>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
1	Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm KH&CN của Dự án SXTN	<u>8</u>	

09695653

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Điểm ĐG của Chuyên gia</i>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Về phương pháp triển khai Dự án SXTN, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ</li> <li>Về phương pháp triển khai Dự án SXTN, phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm, phương án tài chính, phương án tiêu thụ sản phẩm ...</li> <li>Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ, ...</li> </ul>	<u>8</u>  4  4	

**6.2/ Giá trị khoa học của các kết quả KH-CN của Dự án SXTN (được đánh giá tối đa 4 điểm):**

<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
3	Về tính mới, tính sáng tạo của Dự án SXTN	<u>2</u>	
4	Tình hình công bố kết quả nghiên cứu của Dự án SXTN (bài báo, ấn phẩm, ...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn	<u>1</u>	
5	Có những thành tựu nổi bật khác liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu của Dự án SXTN, thể hiện bằng vị thế của nhà khoa học (những cá nhân tham gia Dự án SXTN) trong giới khoa học quốc tế; những công việc tư vấn được mời tham gia; đóng góp vào việc trao đổi khoa học quốc tế...	<u>1</u>	

**6.3/** Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN (*được đánh giá tối đa 12 điểm*):

1	2	3	4
6	Chỉ tiêu KT-KT chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); Quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng;	<u>2</u>	
7	Đã được cấp bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích	<u>4</u>	
8	Về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội (Sản phẩm KHCN đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn: doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Dự án SXTN hoặc đầu tư 1 đồng vốn cho Dự án SXTN tạo ra một số hoặc nhiều đồng lợi nhuận,...)	<u>6</u>	

**6.4/** Đánh giá về tổ chức và quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Dự án SXTN (*được đánh giá tối đa 8 điểm*):

1	2	3	4
9	Đánh giá về việc huy động nguồn vốn khác cho việc thực hiện Dự án SXTN	<u>4</u>	
10	Đánh giá về tổ chức và quản lý của Dự án SXTN	<u>2</u>	
11	Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Dự án SXTN	<u>2</u>	
<b>Tổng số điểm</b>		<b><u>40</u></b>	

**7.** Kết luận của chuyên gia về việc xếp loại Dự án SXTN

(*đánh dấu ✓ vào ô tương ứng phù hợp*):

Không vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài (áp dụng cho Dự án SXTN) và phải **Đạt 20 điểm trở lên**, được chia các mức như sau:

**• Loại Xuất sắc:**

*Từ 35-40 điểm*, trong đó: đạt điểm tối đa về giá trị khoa học - 4/4 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 2 và đạt điểm tối đa về giá trị ứng dụng - 12/12 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 3.

**• Loại Khá: Từ 27 đến dưới 35 điểm.****• Loại Đạt: Từ 20 đến dưới 27 điểm.**

**2. Loại Không Đạt: Dưới 20 điểm** hoặc vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài (áp dụng cho Dự án SXTN).

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

(Họ, tên và chữ ký)

**B16-BBHĐĐGKQ(ĐT)-BNN**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN ..... , ngày tháng năm 200....  
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ  
ĐỀ TÀI KH&CN**

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KH&CN**

**A. Những thông tin chung**

**1. Tên Đề tài**

.....  
.....  
.....

**2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có)**

Quyết định số ...../QĐ-BKH&CN ngày .../.../200... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

**3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng**

....., ngày .../.../200...

**4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá chấm điểm): ...../.....**

Vắng mặt: ..... người, gồm các thành viên:

.....  
.....

**5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (đối với phiên họp đánh giá)**

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		

09695653

## **B. Nội dung làm việc của Hội đồng**

### **B.1/ Phiên họp trừ bị (để lại những nội dung thích hợp)**

1. Hội đồng đã trao đổi để thống nhất phương thức làm việc của Hội đồng.
2. Đã kiến nghị Bộ NN&PTNT tổ chức để Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả Đề tài.
3. Đã kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại đối với Đề tài có các kết quả đo kiểm được, đồng thời đề xuất để Bộ NN&PTNT mời Cơ quan đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, cụ thể như sau:
  - a) Các thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại:
  - b) Các Cơ quan đo lường thử nghiệm thực hiện:

4. Hội đồng đã thống nhất lịch làm việc của Tổ chuyên gia (*trong trường hợp có Tổ chuyên gia*) và Hội đồng.

### **B.2/ Phiên họp đánh giá, chấm điểm**

1. Hội đồng đã nghe đọc Báo cáo thẩm định và Phiếu nhận xét đánh giá
  - Thư ký Hội đồng đọc Báo cáo Thẩm định Đề tài của Tổ chuyên gia (nếu có);
  - Các ủy viên phản biện của Hội đồng đã đọc Phiếu nhận xét đánh giá kết quả Đề tài ;
  - Thư ký Hội đồng đã đọc bản nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện và các chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

### **2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận**

Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ Hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan như đã nêu tại Điều 10 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài, kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có), Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá Đề tài của các ủy viên phản biện, trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả nghiên



cứu của Đề tài theo từng tiêu chuẩn với thang điểm 40 điểm được quy định tại khoản 2 Điều 15 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài.

### 3. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

3.1/ Trưởng Ban: .....

3.2/ Hai ủy viên:

.....  
.....

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biểu kèm theo.

### 4. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng (*để lại những nội dung thích hợp*)

**4.1/** Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản của kết quả nghiên cứu Đề tài theo yêu cầu của Hợp đồng

a) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản

(Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm đã hoàn thành so với Hợp đồng)

b) Về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ

- Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,...

- Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ, ...

**4.2/** Giá trị khoa học của các kết quả KH-CN của Đề tài

c) Về tính mới, tính sáng tạo của Đề tài;

d) Về tình hình công bố kết quả nghiên cứu của Đề tài (bài báo, ấn phẩm,...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn;.....

đ) Có những thành tựu nổi bật khác liên quan trực tiếp đến Đề tài, thể hiện bằng những đóng góp cụ thể:

- Vị trí của nhà khoa học (những cá nhân tham gia đề tài) trong mạng lưới khoa học quốc tế, những công việc tư vấn được mời tham gia;
- Có giá trị khoa học xuất sắc trong nước và so sánh được với những kết quả nghiên cứu tương tự trình độ quốc tế: đóng góp vào các thành tựu khoa học nổi bật trình độ quốc tế, đóng góp vào tiêu chuẩn quốc tế, vào việc trao đổi khoa học quốc tế...

**4.3/ Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN**

e) Về chỉ tiêu KT-KT chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu (*tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác - có địa chỉ trích dẫn cụ thể; Quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế và triển vọng áp dụng*)

f) Tình trạng được cấp Bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

g) Đánh giá về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội:

(Sản phẩm đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn (doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Đề tài hoặc đầu tư 1 đồng vốn cho Đề tài tạo ra một số hoặc nhiều đồng lợi nhuận); Các cơ sở dữ liệu, cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch, mô hình, ... đã được sử dụng trong việc hoạch định các kế hoạch, quy hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội các cấp có ý nghĩa thực tiễn cao, ...)

**4.4/ Đánh giá về tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài**

h) Đánh giá về tổ chức và quản lý Đề tài;

i) Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài.

**4.5/ Căn cứ kết quả bỏ phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại Đề tài ở mức sau (để lại nội dung thích hợp):**

**a) Đạt:** Không vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài và phải ***Đạt 20 điểm trở lên, được chia các mức như sau:***

• **Loại Xuất sắc:**

***Từ 35-40 điểm***, trong đó: đạt điểm tối đa về giá trị khoa học - 8/8 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 2 và đạt điểm tối đa về giá trị ứng dụng - 12/12 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 3.



• **Loại Khá:** *Từ 27 đến dưới 35 điểm.*

**Loại Đạt:** *Từ 20 đến dưới 27 điểm.*

**b) Loại Không Đạt:** *Dưới 20 điểm* hoặc vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài.

**4.6/ Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của Đề tài (chỉ sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức "Không đạt"):**

Hội đồng đề nghị Bộ NN&PTNT (*để lại những nội dung thích hợp*):

a) Xem xét, ghi nhận kết quả đánh giá kết quả nghiên cứu của Đề tài;

b) Kiến nghị khác (khen thưởng, đề nghị tiếp tục đầu tư, về việc sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống, ...) - nếu có:

**THƯ KÝ GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG**

(*Họ, tên và chữ ký*)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(*Họ, tên và chữ ký*)

**B17-KPDGKQ-BNN**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KH&CN**

....., ngày tháng năm 200...

**KIỂM PHIẾU CHẤM ĐIỂM  
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KH&CN**

**Tên Đề tài:**

.....

<i>Họ và tên</i>	<i>HỌ VÀ TÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VÀ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ TƯƠNG ỨNG</i>										<i>Điểm trung bình của các thành viên HĐ</i>	
<i>Tổng số điểm</i>												
<i>Điểm giá trị KH</i>												
<i>Điểm giá trị UD</i>												

**Xếp loại Đề tài** (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng phù hợp):

Loại Xuất sắc:

Loại Khá:

Loại Đạt:

Loại Không đạt:

**CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**

(Họ, tên và chữ ký của từng thành viên)

09695653

**TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU**

(Họ, tên và chữ ký)

**B18-HĐNCKH-BNN**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
Số: /HĐ-NCKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 200

**HỢP ĐỒNG*****Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ***

- Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;
- Căn cứ vào Quy chế quản lý đề tài, dự án ban hành theo Quyết định số:
- Căn cứ Quyết định số /QĐ-BNN ngày tháng năm 200 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt danh mục đề tài nghiên cứu giai đoạn 2006 - 2010

**Chúng tôi gồm:****1. Bên giao (Bên A) là:****a) Bộ Nông nghiệp và PTNT:**

Đại diện Vụ Khoa học công nghệ là ông:

Chức vụ:

Địa chỉ: 2 Ngọc Hà - Hà Nội; Tel:

Đại diện Vụ Tài chính là ông:

Chức vụ:

Địa chỉ: 2 Ngọc Hà - Hà Nội; Tel:

**2. Bên nhận (Bên B) là:****a) Cơ quan chủ trì đề tài:**

Đại diện là Ông:

Địa chỉ:

Tel:

Số tài khoản:

Tại ngân hàng:

**b) Chủ nhiệm đề tài:**

Họ và tên:

Địa chỉ:

Tel: (CQ):

NR

; Mob:

E.Mail:

Fax:

*Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:*

### **I. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

**Điều 1:** Bên B cam kết thực hiện đề tài:

.....  
.....  
.....  
.....

**Điều 2:** Sản phẩm giao nộp

**Bảng 1:** Các loại báo cáo

TT	Tên tài liệu	Số lượng	Thời gian giao nộp	Ghi chú
1	Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Đề tài			
2	Báo cáo tổng kết khoa học và kỹ thuật Đề tài			
3	Báo cáo tóm tắt tổng kết khoa học và kỹ thuật Đề tài			
4	Báo cáo thống kê Đề tài			

**Bảng 2:** Danh mục sản phẩm KH-CN

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật hoặc yêu cầu khoa học	Thời gian hoàn thành
1				
2				
3				
...				

**Bảng 3:** Nội dung và kết quả năm 200...

TT	Các nội dung, công việc cụ thể	Sản phẩm phải đạt	Thời gian hoàn thành
1			
2			
3			
...			

**Bảng 4: Nội dung và kết quả năm 200...**

TT	Các nội dung, công việc cụ thể	Sản phẩm phải đạt	Thời gian hoàn thành
1			
2			
3			
...			

**Bảng 5: Nội dung và kết quả năm 200...**

TT	Các nội dung, công việc cụ thể	Sản phẩm phải đạt	Thời gian hoàn thành
1			
2			
3			
...			

**Điều 3:** Thời gian thực hiện đề tài là tháng,

(từ tháng /200 đến tháng /200 )

## II. TÀI CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

**Điều 4:** Kinh phí để thực hiện đề tài là: triệu đồng.

(Bằng chữ: ..... )

**Điều 5:** Bên A có trách nhiệm cấp cho Bên B số kinh phí ghi ở Điều 4 để thực hiện đề tài theo tiến độ sau:

Số TT	Năm	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	Năm 200		
2	Năm 200		
3	Năm 200		
4	Năm 200		
5	Năm 200		

Hàng năm, trước khi thông báo kế hoạch, trên cơ sở có báo cáo tình hình thực hiện đề tài, Bên A tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện đề tài và khẳng định về kết quả đạt được theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh Đề tài. Nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, Bên A có thể kiến nghị thay đổi tiến độ hoặc ngừng việc cấp kinh phí.



**Điều 6:** Bên B có trách nhiệm báo cáo định kỳ cho Bên A về tình hình thực hiện đề tài (theo Biểu mẫu quy định; báo cáo quyết toán hoặc báo cáo tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận được theo chế độ hiện hành trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo).

### III. TRÌNH TỰ GIAO NỘP SẢN PHẨM

**Điều 7:** Khi kết thúc đề tài, Bên B phải chuyển cho Bên A những tài liệu và chuẩn bị đầy đủ các mẫu sản phẩm nêu trong Thuyết minh Đề tài và Điều 2 của Hợp đồng này, báo cáo quyết toán tài chính của đề tài để đánh giá và nghiệm thu.

**Điều 8:** Trong thời gian 30 ngày sau khi Bên B đã thực hiện xong nội dung nêu ở Điều 6 và quyết toán kinh phí, Bên A tiến hành đánh giá, nghiệm thu đề tài, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

**Điều 9:** Bên B được hưởng quyền tác giả và các quyền lợi khác theo chế độ hiện hành liên quan tới quyền tác giả.

### IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

**Điều 10:** Trong quá trình thực hiện đề tài:

- Nếu Bên nào nhận thấy cần đình chỉ thực hiện Hợp đồng với những lý do chính đáng thì cần thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết trước 30 ngày để tiến hành xác định trách nhiệm của các Bên và lập biên bản xử lý trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Nếu có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung Hợp đồng, hai Bên phải kịp thời thỏa thuận bằng văn bản. Các thay đổi hoặc bổ sung nêu trên là bộ phận của Hợp đồng làm căn cứ khi nghiệm thu.

**Điều 10:** Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản ghi trong Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

**Điều 11:** Hai Bên có trách nhiệm bảo mật các sản phẩm khoa học theo quy định hiện hành.

**Điều 12:** Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng được làm thành 8 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 4 bản.

**Bên A (Bên giao)**

Bộ Nông nghiệp và PTNT  
(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)

**Bên B (Bên nhận)**

Chủ nhiệm Đề tài  
(Chữ ký, ghi rõ họ và tên)

**Cơ quan chủ trì Đề tài**

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

B19-BCĐK-BNN

**(Cơ quan chủ trì đề tài, dự án)**

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**  
**Tình hình thực hiện đề tài, dự án SXTN**  
*(Trước 15/6 và 15/12 hàng năm)*

Nhận ngày:  
 .... / .... / 200..

**Nơi nhận báo cáo:**

1. Vụ Khoa học công nghệ
2. Ban Điều hành Chương trình (nếu đề tài thuộc chương trình)

1.	Tên đề tài, dự án: ..... ..... ..... Thuộc chương trình: ..... .....	2.	Ngày báo cáo  .... / .... / 200..  Ký: .....
3.	Cơ quan chủ trì: ..... Chủ nhiệm đề tài, dự án: .....		
4.	Thời gian thực hiện: ... tháng từ ... / ... / 200... đến ... / ... / 200..		
5.	Tổng kinh phí: ..... triệu đồng		
6.	Công việc chính đã thực hiện tính từ ngày ... / ... / 200... đến ngày báo cáo (Báo cáo chi tiết theo nội dung Thuyết minh đề tài và Hợp đồng NCKH)		

7. *Số lượng (cộng lũy kế)\* sản phẩm khoa học và công nghệ (kết quả KHCN) cụ thể đã hoàn thành đến ngày báo cáo*

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			
			Kế hoạch	Thực hiện		
				Trước kỳ báo cáo	Trong kỳ báo cáo	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7

8. *Số lượng sản phẩm đã được sử dụng hoặc tiêu thụ và doanh thu bán sản phẩm (nếu có)*

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng	Doanh thu, tr. đ.	Đơn vị sử dụng

\* Ghi chú: Cộng lũy kế các kỳ báo cáo trước

9. *Chất lượng, chỉ tiêu kỹ thuật đối với sản phẩm trong kỳ báo cáo*

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (Sản phẩm nào đã được công nhận là TBKT cần ghi rõ số quyết định, thời gian)	Đơn vị đo	Mức chất lượng	
			Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4	5

10. Nhận xét và đánh giá kết quả đạt được (trong kỳ báo cáo)

11. **Kinh phí**

a) Kinh phí lũy kế đã được cấp trước kỳ báo cáo là..... triệu đồng		
b) Kinh phí đã được cấp trong kỳ báo cáo:		
Đợt	Thời gian	Số tiền (triệu đồng)
1	/ /200..	
2	/ /200..	
3	/ /200..	
<b>Cộng lũy kế (a và b)</b>		

12. Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện đề tài, dự án tính đến kỳ báo cáo (tr. đồng)

TT		Tổng số tiền đã sử dụng	Trong đó,				
			Thuê khoán chuyên môn	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng nhỏ, sửa chữa	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8

**12.1. Tổng kinh phí (a và b)**

Trong đó:							
	<b>a) Ngân sách SNKH</b>						
	- Tính đến kỳ báo cáo						
	- Trong kỳ báo cáo						
	Cộng						
	<b>b) Nguồn vốn khác</b>						

**12.2. Kinh phí đã được cấp và sử dụng tính đến kỳ báo cáo**

Tổng kinh phí đã được cấp:	..... triệu đồng
Tổng kinh phí đã sử dụng:	..... triệu đồng
Số kinh phí đã quyết toán:	..... triệu đồng

**12.3. Các khoản chi lớn trong thời gian liên quan đến báo cáo**

1.....  
 2.....  
 3.....

13. Những vấn đề tồn tại cần giải quyết	
.....	
.....	
14. Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong thời gian tới	
.....	
.....	
15. Kết luận và kiến nghị	
.....	
.....	
<b>Chủ nhiệm đề tài, dự án</b> (Họ tên, chữ ký)	<b>Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài, dự án</b> (Họ tên, chữ ký, đóng dấu)
<b>Kế toán trưởng</b> (Họ tên, chữ ký)	

09695653

B20-BCTK-BNN

## HƯỚNG DẪN VIẾT BÁO CÁO TỔNG KẾT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Báo cáo gồm 3 phần chính: Phần đầu, phần chính và phần cuối của báo cáo.

### I. PHẦN ĐẦU CỦA BÁO CÁO

#### 1.1. Trang bìa trước

- Tên đầy đủ Bộ chủ quản
- Tên đầy đủ tổ chức chủ trì đề tài/dự án
- Tên đề tài/dự án
- Chủ trì đề tài/dự án
- Địa điểm và thời gian hoàn thành báo cáo;
- Ghi chú về bản quyền (*nếu cần thiết*).

#### 1.2. Trang nhan đề

*Như trang bìa và ghi đủ danh sách những người thực hiện*

#### 1.3. Bài tóm tắt

*(Nêu ngắn gọn và rõ ràng về mục đích, nội dung, phương pháp, kết quả và kết luận đã được trình bày trong báo cáo chính).*

#### 1.4. Mục lục

Mục lục bao gồm danh mục các phần chia nhỏ của báo cáo cùng với số trang.

1.5. Bảng chú giải các chữ viết tắt, ký hiệu, đơn vị đo lường, từ ngắn hoặc thuật ngữ, danh mục các sơ đồ, biểu bảng ...

### II. PHẦN CHÍNH CỦA BÁO CÁO

#### 2.1. Đặt vấn đề

*(Nêu rõ tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan, phân tích những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, nêu những gì đã giải quyết, những gì còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết - luận giải, cụ thể hóa được tính cấp thiết của đề tài và những vấn đề mới về KH&CN mà đề tài đặt ra nghiên cứu)*

#### 2.2. Mục tiêu của đề tài

*(Đề tài nhằm giải quyết mục tiêu gì, thường có mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể)*

#### 2.3. Cách tiếp cận

*(nêu phương pháp luận, quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề)*

#### 2.4. Vật liệu, nội dung và phương pháp nghiên cứu

*a. Vật liệu nghiên cứu:*

- Đối tượng nghiên cứu
- Địa điểm nghiên cứu
- Thời gian nghiên cứu.

*b. Nội dung nghiên cứu*

- Nêu các nội dung nghiên cứu
- Nêu các thí nghiệm
- Nêu các chỉ tiêu theo dõi của mỗi thí nghiệm hoặc thu thập số liệu

*c. Phương pháp nghiên cứu:*

- Phương pháp bố trí thí nghiệm
- Phương pháp thu thập số liệu
- Phương pháp phân tích số liệu
- Phương pháp đánh giá, so sánh.

**2.5. Kết quả và thảo luận**

- Nêu đầy đủ kết quả theo các chỉ tiêu nghiên cứu (cố gắng trình bày dưới dạng bảng biểu, đồ thị).
- Phân tích các kết quả (So sánh với những kết quả trước (nếu có). Lý giải luận cứ khoa học của kết quả thu được. Làm rõ tại sao không phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây...).

**2.6. Kết luận và đề nghị**

- Nêu những kết luận cơ bản ngắn gọn, tập trung vào trả lời cho mục tiêu nghiên cứu)
- Nêu các kiến nghị về sử dụng kết quả nghiên cứu, đề xuất kết thúc nghiên cứu hoặc các vấn đề cần nghiên cứu tiếp.

**2.5. Lời cảm ơn (Nếu cần thiết)**

**2.6. Tài liệu tham khảo**

Liệt kê các tài liệu tham khảo có liên quan (Tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt trước, tiếng Anh sau)

*(Nên viết tài liệu tham khảo theo “Hệ thống tài liệu tham khảo Harvard và Footnote”*

**III. PHẦN CUỐI CỦA BÁO CÁO**

Phần cuối báo cáo gồm Phụ lục và trang bìa sau.

- Các Phụ lục liên quan đến nghiên cứu cần thiết để làm sáng tỏ và hoàn chỉnh báo cáo
- Trang bìa sau: Phía trong của trang bìa sau có thể được sử dụng viết địa chỉ cần gửi báo cáo (nếu cần thiết).